

**TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO
Ở VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ**

**TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO
Ở VIỆT NAM**

Hà Nội - 2022

BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ

BAN BIÊN SOẠN

- Ông Vũ Hoài Bắc
- Bà Trần Thị Minh Nga
- Ông Nguyễn Tiến Trọng
- Ông Nguyễn Phong Thịnh
- Ông Lê Minh Khánh
- Ông Đinh Quang Tiến
- Bà Thiều Thị Hương
- Bà Trần Thị Minh Thu
- Bà Nguyễn Thị Định
- Bà Lê Thị Liên
- Bà Ngô Thị Xuân Lan
- Bà Nguyễn Thị Hương
- Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	7
CHƯƠNG I: TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM.....	11
1. Phật giáo.....	13
2. Công giáo.....	16
3. Đạo Tin Lành.....	19
4. Đạo Cao Đài.....	24
5. Phật giáo Hòa Hảo.....	27
6. Hồi giáo.....	29
7. Tôn giáo Bahá'í.....	32
8. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam.....	34
9. Cơ đốc Phục Lâm.....	36
10. Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa.....	38
11. Minh Sư đạo.....	39
12. Minh Lý đạo - Tam Tông miếu.....	41
13. Bà-la-môn giáo.....	43
14. Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Kỵ-tô.....	45
15. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.....	47
16. Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn.....	48

CHƯƠNG II: CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO

Ở VIỆT NAM..... 51

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ đổi mới..... 51
2. Pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo 57

CHƯƠNG III: THÀNH TỰU, THÁCH THỨC VÀ ƯU TIÊN CỦA VIỆT NAM TRONG VIỆC BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

75

1. Thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam..... 75
2. Thách thức trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam 100
3. Một số ưu tiên nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay 105

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1. Một số hình ảnh về tôn giáo, đời sống tôn giáo ở Việt Nam..... 113
- Phụ lục 2. Số liệu tôn giáo..... 121
- Phụ lục 3. Danh mục tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo..... 125
- Phụ lục 4. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (trích)..... 131

LỜI NÓI ĐẦU

Nước Việt Nam có truyền thống văn hóa lâu đời, có 54 dân tộc với nhiều tôn giáo khác nhau. Hiện nay, ở Việt Nam có trên 26,5 triệu tín đồ tôn giáo (chiếm 27% dân số cả nước). Ở Việt Nam không có sự phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo, không có mâu thuẫn, xung đột giữa các tôn giáo; người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau cùng chung sống hài hòa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, ngay từ Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1946) và các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau này đều luôn khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong các quyền cơ bản của con người. Đặc biệt, bản Hiến pháp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28/11/2013 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 chứa đựng những nội dung mới về quyền con người, thể hiện bước tiến mới về tư duy nhà nước pháp quyền và thể chế hóa quyền con người ở Việt Nam, phù hợp với các chuẩn mực được nêu trong các công ước quốc tế về quyền con người.

Thực hiện các nguyên tắc hiến định, Nhà nước Việt Nam không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng một đất nước Việt Nam ngày càng phát triển, dân chủ, công bằng và văn minh. Nhằm cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 và phù hợp với đời sống thực tiễn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, ngày 18/11/2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Thời gian qua, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Thực hiện chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam, đời sống tôn giáo ở Việt Nam có những chuyển biến rất căn bản, từ sinh hoạt tôn giáo của tín đồ đến hoạt động của chức sắc và các tổ chức tôn giáo. Hiện nay, Nhà nước Việt Nam đã công nhận 36 tổ chức tôn giáo, cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 04 tổ chức và 01 pháp môn tu hành thuộc 16 tôn giáo. Theo đó, các hoạt động khác (như: đào tạo chức sắc, xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự, quan hệ quốc tế, v.v...) của cá nhân, tổ chức tôn giáo diễn ra thuận lợi theo quy định của pháp luật. Có thể nói, các hoạt động về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam thời gian qua diễn ra theo

xu hướng tích cực, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Đánh giá chủ trương, chính sách đối với tôn giáo, thành tựu trong công tác tôn giáo, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng nhiệm vụ công tác tôn giáo trong thời gian tới là: “*Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước*”.

Để giúp bạn đọc trong và ngoài nước, các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm hiểu rõ và đầy đủ hơn về chính sách tôn giáo, đời sống tôn giáo ở Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ công bố cuốn sách “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam” với những thông tin cơ bản về tôn giáo, chính sách tôn giáo, thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, thách thức cần vượt qua và những hướng ưu tiên nhằm thúc đẩy việc thụ hưởng ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Hà Nội, tháng 12/2022

Ban Tôn giáo Chính phủ

CHƯƠNG I

TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo. Tôn giáo ở Việt Nam được ví như bức tranh thu nhỏ của tôn giáo trên thế giới. Nếu như ở nhiều quốc gia hiện nay vẫn có một tôn giáo giữ vai trò chủ đạo, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống chính trị, xã hội ở các quốc gia đó thì tại Việt Nam, có thể thấy rất nhiều tôn giáo khác nhau, từ các hình thức tôn giáo sơ khai như Tô tem giáo, Ma thuật giáo, Saman giáo đến các tôn giáo của thời hiện đại, có tổ chức chặt chẽ như Công giáo, Phật giáo, đạo Tin Lành, Hồi giáo, v.v... cùng tồn tại và bình đẳng với nhau, không có tôn giáo nào giữ vai trò chủ đạo. Các tôn giáo ở Việt Nam gồm những tôn giáo có nguồn gốc du nhập từ bên ngoài, như: Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, Hồi giáo, Tôn giáo Baha'i, v.v...; những tôn giáo nội sinh, như: đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, v.v... Cùng với sự đa dạng về tôn giáo, tại Việt Nam còn có sự đa dạng của các loại hình tổ chức tôn giáo, trong đó, có những tôn giáo chỉ có một tổ chức duy nhất (Phật giáo, Công giáo) và cũng có

những tôn giáo có rất nhiều tổ chức khác nhau (đạo Tin Lành, đạo Cao Đài), v.v...

Tính đến 31/12/2021, ở Việt Nam, Nhà nước đã công nhận 36 tổ chức tôn giáo, cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 04 tổ chức và 01 pháp môn tu hành thuộc 16 tôn giáo; có hàng nghìn nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (trong đó có các nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam); có trên 26,5 triệu tín đồ tôn giáo (chiếm khoảng 27% dân số cả nước), hơn 54 nghìn chức sắc, 135 nghìn chức việc và 29.658 cơ sở thờ tự.

Các tôn giáo ở Việt Nam đều có đóng góp nhất định cho đất nước trên nhiều phương diện của đời sống xã hội, đồng thời là một nhân tố xã hội và văn hóa tích cực góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam phong phú, đa dạng và đặc sắc. Các tôn giáo du nhập từ bên ngoài cũng có quá trình tiếp biến với văn hóa Việt Nam tạo ra nét riêng của tôn giáo Việt Nam. Việt Nam là đất nước ôn hòa trong quan hệ giữa các tôn giáo; có truyền thống đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Việc chung sống hòa bình và bao dung giữa các tôn giáo cùng với tính nhân ái, nhân bản của con người và xã hội Việt Nam đã tạo ra một bức tranh sinh động về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam: phong phú, đan xen lẫn nhau. Ở Việt Nam ngày nay, sự đồng thuận giữa các tôn giáo và Nhà nước thể hiện rất rõ. Ở Việt Nam không có xung đột tôn giáo. Đại đoàn kết toàn dân tộc trong đó có

đoàn kết các tôn giáo là nguồn sức mạnh và là nhân tố quyết định bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

1. Phật giáo

Phật giáo được truyền vào Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Trong quá trình du nhập và phát triển, Phật giáo đã chứng tỏ là một tôn giáo hòa bình, dung hợp với tín ngưỡng truyền thống của người Việt. Tinh thần Từ - Bi - Hỷ - Xả của Phật giáo đã giáo dục con người biết sống vị tha, hòa hợp, coi trọng bình đẳng và tiến bộ xã hội. Giáo lý của Phật giáo rất phù hợp với đạo đức xã hội ở Việt Nam. Phật giáo là môi trường hoặc tạo điều kiện cho các loại hình văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc, v.v... phát triển. Về kiến trúc của Phật giáo ở Việt Nam, có thể kể đến: chùa Một Cột, chùa Phật Tích, tượng nghìn tay nghìn mắt ở chùa Bút Tháp, tượng La Hán ở chùa Tây Phương, v.v... Ở mỗi thời kỳ lịch sử, Phật giáo đều để lại những dấu ấn sâu đậm, thể hiện tinh thần gắn bó đồng hành cùng dân tộc, nhiều nhà sư đứng ra giúp đời, giúp nước được sử sách ghi nhận.

Tháng 11-1981, thể theo ý chí, nguyện vọng của tăng ni, tín đồ phật tử cả nước, Hội nghị Đại biểu Thống nhất Phật giáo đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội với sự tham dự của 168 đại biểu tăng ni, cư sĩ đại diện cho 9 tổ chức, hệ phái trong cả nước gồm: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Giáo

hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Ban Liên lạc Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Giáo hội Thiên Thai giáo Quán tông, Hội Phật học Nam Việt. Đại hội đã thống nhất thành lập một tổ chức chung của Phật giáo cả nước lấy tên là “*Giáo hội Phật giáo Việt Nam*”, thông qua Hiến chương và đường hướng hoạt động “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức duy nhất đại diện cho tăng ni, tín đồ phật tử Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

Sau sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tăng ni, phật tử cả nước tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước để “hộ trì Hoàng dương Phật pháp, phục vụ Tổ quốc Việt Nam, góp phần đem lại hòa bình, an lạc cho thế giới”. Tuyệt đại đa số tăng ni đã tích cực góp phần xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày một trưởng thành, khẳng định vị trí của mình trong lòng dân tộc. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc 05 năm một kỳ và đến nay đã trải qua 9 kỳ Đại hội.

Tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay được xây dựng theo cơ cấu: (1) ở cấp Trung ương có Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự, 12 ban ngành chuyên môn và 01 Viện nghiên cứu Phật học; (2) ở địa phương có 63 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh, thành phố, hơn 400 Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

Trong công tác giáo dục đào tạo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện có 4 Học viện Phật giáo, 34 trường Trung cấp Phật học, 01 trường Trung - Cao đẳng, 8 lớp cao đẳng và hàng trăm lớp sơ cấp tại các chùa, đào tạo từ trình độ sơ cấp đến trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học, hàng trăm tăng ni du học ở nước ngoài. Về hợp tác quốc tế, Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng nâng cao vị thế và uy tín thông qua việc mở rộng hoạt động giao lưu quốc tế, tích cực hỗ trợ hoạt động của Phật giáo Việt Nam ở nước ngoài, đăng cai và phối hợp tổ chức thành công 3 kì Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc VESAK tại Việt Nam (2008, 2014, 2019), là thành viên của nhiều tổ chức Phật giáo quốc tế (tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình - ABCP, tổ chức Liên Hữu Phật giáo thế giới - WFB; tổ chức Liên minh Phật giáo thế giới - IBC; Ủy ban Quốc tế Đại lễ VESAK Liên Hợp Quốc - ICDV, v.v...).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện có 4 tờ báo và tạp chí, nhiều nội san góp phần truyền bá những giá trị của văn hóa, tôn giáo đến với chức sắc, tín đồ và độc giả.

Hoạt động từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, giảm bớt những khó khăn, gánh nặng cho cộng đồng, xã hội. Hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 165 Tuệ Tĩnh đường, 64 trung tâm nuôi trẻ mồ côi; 20 trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn; trên 1.000 lớp học tình thương; 33 phòng khám đông y, 10 phòng khám tây y, v.v... Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam còn tham gia nhiều hoạt động an sinh xã

hội vì cộng đồng: xây cầu, đóng góp làm đường giao thông nông thôn, nuôi dưỡng và chăm sóc bệnh nhân nhiễm HIV - AIDS, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có: 54.169 tăng ni (trong đó: 40.095 Bắc Tông, 7.028 Nam tông Khmer, 1.754 Nam Tông Kinh, 5.284 Khất sĩ), 18.544 cơ sở thờ tự, khoảng 14 triệu tín đồ đã quy y và nhiều người có tình cảm với Phật giáo.

2. Công giáo

Theo lịch sử Giáo hội, Công giáo truyền vào Việt Nam từ năm 1533, do giáo sĩ tên là I-Nê-Khu đến truyền giáo ở làng Ninh Cường và Quần Anh, huyện Nam Chân và làng Trà Lũ, huyện Giao Thủy (thuộc tỉnh Nam Định, giáo phận Bùi Chu ngày nay). Tuy nhiên, phải đến đầu thế kỷ XVII mới có các giáo đoàn đến truyền giáo tại Việt Nam. Có thể phân chia quá trình truyền giáo và phát triển đạo vào Việt Nam qua 4 giai đoạn chủ yếu: giai đoạn hình thành từ đầu thế kỷ XVI đến năm 1884; giai đoạn từ 1885-1945 (giai đoạn thực dân Pháp đô hộ đến khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa); giai đoạn thứ ba từ 1945-1975 (giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ); giai đoạn thứ tư từ năm 1975 đến nay (giai đoạn sau ngày thống nhất đất nước, cả nước tiến hành công cuộc xây dựng, phát triển đất nước).

Cùng với việc truyền đạo và phát triển đạo ở Việt Nam, Công giáo đã góp phần làm phong phú nền văn hóa Việt

Nam với kiến trúc độc đáo của các nhà thờ, tiêu biểu là nhà thờ đá Phát Diệm (Kim Sơn, Ninh Bình), nhà thờ lớn Hà Nội, nhà thờ Đức Bà ở TP. Hồ Chí Minh hay các lễ hội tiếp thu những nét đẹp văn hóa dân tộc như: lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh, v.v... Công giáo cũng có quá trình tiếp biến với văn hóa Việt Nam, tạo ra nét riêng của Công giáo Việt Nam, điển hình như: tôn kính ông bà tổ tiên, hát Thánh ca bằng các làn điệu dân ca, v.v...

Năm 1980, Hội đồng Giám mục Việt Nam được thành lập, bao gồm tất cả các giám mục tại các giáo phận Công giáo ở Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ nhất (năm 1980), Hội đồng Giám mục Việt Nam ra Thư chung lịch sử với đường hướng hoạt động *“Sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”*. Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam thể hiện tình cảm và trách nhiệm của người Công giáo với đất nước: *Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có mà còn là một đòi hỏi của Phúc âm*. Thư chung năm 1980 cũng định ra nhiệm vụ xây dựng một nếp sống đạo mới và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc. Tính đến nay, Hội đồng giám mục Việt Nam đã trải qua 15 kỳ Đại hội.

Giáo hội Công giáo Việt Nam có 27 giáo phận thuộc 03 tổng giáo phận: *Tổng giáo phận Hà Nội gồm các giáo phận: Hà Nội, Hải Phòng, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Bùi Chu, Phát Diệm, Thái Bình, Thanh Hóa, Vinh và Hà Tĩnh; Tổng giáo phận Huế gồm các giáo phận: Huế, Đà Nẵng, Qui*

Nhơn, Nha Trang, Kon Tum và Buôn Mê Thuột; *Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh gồm các giáo phận*: Thành phố Hồ Chí Minh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Mỹ Tho, Đà Lạt, Long Xuyên, Phú Cường, Xuân Lộc, Phan Thiết và Bà Rịa.

Giáo hội Công giáo Việt Nam còn có hệ thống tổ chức theo hệ dòng, đó là các dòng tu. Tính đến năm 2021, ở Việt Nam có khoảng 200 dòng tu, tu hội, tu đoàn. Để tăng cường sự hiệp thông, trao đổi kinh nghiệm giữa các dòng tu, năm 2003, Tòa thánh Va-ti-căng tái thành lập *Liên hiệp Bề trên thượng cấp Việt Nam* (cấp đăng ký hoạt động năm 2010).

Trong hoạt động quan hệ quốc tế, Giáo hội Công giáo Việt Nam là giáo hội địa phương trong hệ thống Công giáo hoàn vũ, có mối quan hệ chặt chẽ, phẩm trật theo cơ cấu tổ chức của giáo triều Roma; có mối quan hệ trực tiếp với Giáo hội Công giáo các nước như Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, v.v... Hệ thống các dòng quốc tế ở Việt Nam cũng tạo nên mối quan hệ phụ thuộc và liên kết trong quan hệ quốc tế của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Qua các hoạt động quan hệ quốc tế, Công giáo Việt Nam mở rộng phạm vi ảnh hưởng về mặt tôn giáo, vị trí địa lý, tăng cường mối quan hệ với cộng đồng Công giáo thế giới và khu vực. Ngược lại cũng nhận được sự quan tâm, ủng hộ từ tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trong hoạt động tôn giáo.

Giáo hội Công giáo Việt Nam tích cực tham gia công tác từ thiện nhân đạo, y tế, giáo dục, nổi bật là giáo dục mầm non và dạy nghề. Hiện nay, Giáo hội Công giáo

Việt Nam đẩy mạnh các hoạt động: tổ chức lớp học tình thương, bổ túc văn hóa cho trẻ em cơ nhỡ, lang thang, trẻ em nghèo thất học, trẻ em khuyết tật; lập quỹ khuyến học để hỗ trợ, động viên học sinh, sinh viên nghèo có điều kiện học tập; trao học bổng cho học sinh; mở phòng khám nhân đạo, cơ sở nuôi dưỡng trẻ em nghèo, người già neo đơn, khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam, HIV/AIDS; làm đường liên thôn, bắc cầu và làm cây nước cho bà con nghèo vùng sâu, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Công giáo Việt Nam có: trên 7 triệu tín đồ, chiếm khoảng 7% dân số cả nước; 02 hồng y (lịch sử Công giáo Việt Nam có 06 giám mục được phong hồng y); 03 tổng giám mục đương nhiệm; 46 giám mục, hơn 5 nghìn linh mục triều và linh mục dòng; khoảng 32 nghìn nam nữ tu sĩ; khoảng 9 nghìn cơ sở tôn giáo (nhà thờ, nhà nguyện, cơ sở đào tạo, trụ sở Tòa giám mục; cơ sở dòng tu); 11 cơ sở đào tạo gồm 01 Học viện Công giáo, 9 Đại chủng viện và 01 cơ sở 2 của Đại chủng viện.

3. Đạo Tin Lành

Đạo Tin Lành do tổ chức Liên hiệp Phúc âm Truyền giáo Hoa Kỳ (CMA) truyền vào Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và đặt cơ sở đầu tiên vào năm 1911 tại thành phố Đà Nẵng, năm 1927 thành lập Hội Tin Lành Đông Pháp (The Evangelical Church of French Indochina) và sau nhiều lần đổi tên vào các năm 1936,

1945, đến năm 1950 được gọi là Hội thánh Tin Lành Việt Nam. Năm 1954, đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền, đạo Tin Lành ở hai miền cũng có sự khác nhau. Ở miền Bắc, khoảng 1.000 tín đồ và một số chức sắc của Hội thánh Tin Lành Việt Nam thành lập nên Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) vào năm 1958, phạm vi hoạt động từ tỉnh Nghệ An trở ra. Năm 1962, Hội thánh thông qua bản Hiến chương đầu tiên.

Ở miền Nam, trong những năm 1954-1975, Hội Truyền giáo CMA đẩy mạnh việc đầu tư kinh tế, phương tiện, giáo sỹ để giúp Hội thánh Tin Lành Việt Nam củng cố tổ chức, mở rộng các cơ sở tôn giáo, kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt quan tâm đến việc truyền đạo lên khu vực đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Trong thời gian này, ở miền Nam, ngoài Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã có từ trước, còn có hơn hai chục hệ phái, tổ chức Tin Lành quốc tế. Đến năm 1975, đạo Tin Lành ở Việt Nam có khoảng 187 nghìn tín đồ, hoạt động chủ yếu ở các tỉnh phía Nam.

So với đa số các tôn giáo du nhập từ nước ngoài vào thì đạo Tin Lành là tôn giáo có mặt ở Việt Nam muộn hơn. Tuy nhiên, đạo Tin Lành đã xác lập và tạo ảnh hưởng về lối sống, văn hóa khá đặc sắc trong một số cộng đồng dân cư. Đạo Tin Lành đã tác động, làm thay đổi nếp sống lạc hậu trong một bộ phận nhân dân theo đạo; khuyến dạy tín đồ từ bỏ hủ tục nặng nề trong ma chay, cưới xin, v.v...; hướng tín đồ sống đạo theo tấm gương bác ái và tinh thần phục vụ của Thiên Chúa.

Hiện nay, 11 tổ chức Tin Lành đã được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động, gồm:

- Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1958. Đường hướng hành đạo: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc”.

- Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2001. Đường hướng hành đạo: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc”.

- Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2007. Đường hướng hành đạo: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc”.

- Tổng hội Báp-tít Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Đường hướng hành đạo: “Sống theo Phúc âm, phục vụ Chúa, phục vụ trung thành với Tổ quốc và Dân tộc”.

- Giáo hội Báp-tít Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Đường hướng hành đạo: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc, gắn bó Dân tộc và tuân thủ luật pháp”.

- Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Đường hướng hành đạo: “Kính Chúa, yêu người, tuân thủ pháp luật Việt Nam”.

- Hội thánh Men-nô-nai Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2009. Đường hướng hành đạo: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, yêu chuộng hòa bình và bất bạo động”.

- Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2010. Đường hướng hành đạo: “Trung thành với chân lý Kinh thánh, đồng hành với Dân tộc, tuân theo Hiến pháp và pháp luật”.

- Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2019. Đường hướng hành đạo: “Sống theo lời Chúa, hầu việc Chúa, phục vụ Tổ quốc - Dân tộc và tuân thủ pháp luật Việt Nam”.

- Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo năm 2018. Đường hướng hành đạo: “Tôn thờ Đức Chúa Trời, yêu thương mọi người, sống Phúc âm, tuân thủ pháp luật và đồng hành cùng dân tộc”.

- Hội thánh Tin Lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo năm 2018. Đường hướng hành đạo: “Kính mến Chúa, yêu người; thờ phượng Đức Chúa Trời, truyền giảng Tin Lành, xây dựng Hội thánh, sống Phúc âm, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc; tuân thủ hiến pháp và pháp luật”.

Đại hội các cấp là hoạt động tôn giáo lớn nhất của các tổ chức của đạo Tin Lành về phương diện tổ chức. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận, quyết định các công việc quan

trọng của tổ chức trong một nhiệm kỳ, bao gồm bầu cử ban lãnh đạo, xây dựng hoặc sửa đổi Hiến chương. Tùy theo từng tổ chức mà Đại hội có thể tiến hành theo nhiệm kỳ 02, 04 hoặc 05 năm một lần.

Trong hoạt động đào tạo, hiện có 02 cơ sở đào tạo tôn giáo của đạo Tin Lành, gồm: (1) *Viện Thánh kinh Thần học* thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam); (2) *Trường Thánh kinh Thần học Hà Nội* thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc). Ngoài đào tạo tập trung tại các cơ sở đào tạo tôn giáo, các tổ chức Tin Lành hằng năm đều mở các lớp bồi dưỡng giáo lý, Thánh kinh hè và các khóa bồi linh.

Hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội cũng được các tổ chức Tin Lành Việt Nam chú trọng thực hiện và đạt nhiều kết quả. Trong những năm gần đây các tổ chức Tin Lành Việt Nam đã và đang tích cực tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo: tặng quà tết, xây nhà tình thương cho các hộ nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt; cấp học bổng cho học sinh nghèo; cấp phát xe lăn, các thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; thành lập trung tâm tư vấn việc làm, điểm hỗ trợ cai nghiện, v.v...

Nhiều tổ chức Tin Lành Việt Nam có mối quan hệ, hợp tác với các tổ chức Tin Lành ở các nước trên thế giới trên các lĩnh vực, như: đào tạo Thần học, mục vụ; xuất bản ấn phẩm tôn giáo; hoạt động từ thiện nhân đạo; trao đổi học thuật, kinh nghiệm; tổ chức sự kiện. Thông qua các hoạt động này, các tổ chức Tin Lành Việt Nam góp

phần đưa văn hóa Việt nói chung, văn hóa cơ đốc mang đặc trưng người Việt đến với các nước.

Tính đến tháng 12 năm 2021, cả nước có hơn 1,2 triệu người theo đạo Tin Lành, hơn 2.300 chức sắc, gần 900 cơ sở thờ tự, gần 100 tổ chức thuộc nhiều hệ phái khác nhau, gần 800 tổ chức tôn giáo trực thuộc và khoảng 5.500 điểm nhóm. Ngoài ra còn có khoảng 9 nghìn người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung tại 61 điểm nhóm.

4. Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài là tôn giáo ra đời ở Việt Nam vào năm 1926, do một số công chức, tư sản, địa chủ, trí thức sáng lập, như: Ngô Minh Chiêu, Phạm Công Tắc, Lê Văn Trung, Vương Quan Kỳ, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, v.v... Lúc đầu, đạo Cao Đài là một tổ chức tôn giáo thống nhất có Tòa Thánh ở Tây Ninh, nhưng một thời gian sau, đạo Cao đài hình thành nhiều tổ chức tôn giáo khác nhau.

Giáo luật của đạo Cao Đài thực hiện theo Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy. Ngũ giới cấm là không sát hại sinh vật; không trộm cắp, lừa gạt người; cấm tà dâm; cấm uống rượu thịt, ăn uống quá độ; cấm xảo trá, nói năng không giữ lời hứa. Tứ đại điều quy là tuân theo lời dạy của bề trên, lấy lễ hòa người; chớ khoe tài, đừng cao ngạo; tiền bạc phân minh; trước mặt sau lưng cũng đồng một bậc.

Lễ nghi của đạo Cao đài khá cầu kì, phức tạp thể hiện tinh thần Tam giáo đồng nguyên. Đạo Cao đài thờ Thiên nhân có nghĩa là “mắt trời” - biểu tượng Đức Chí Tôn của

đạo Cao Đài. Cơ sở thờ tự có Tòa thánh ở Trung ương giáo hội và thánh thất (thánh tịnh, điện thờ Phật Mẫu) ở họ đạo cơ sở.

Từ năm 1995 đến nay, 10 Hội thánh và 01 Pháp môn tu hành của đạo Cao Đài đã được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo và cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, gồm:

- Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1995.

- Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1996.

- Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1996.

- Hội thánh Truyền giáo Cao Đài được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1996.

- Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1997.

- Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1997.

- Hội thánh Cao Đài Bạch Y Liên đoàn Chơn lý được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1998.

- Hội thánh Cao Đài Chơn Lý được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2000.

- Hội thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2000.

- Giáo hội Cao Đài Việt Nam (Bình Đức) được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2011.

- Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo năm 2009, là pháp môn tu hành của đạo Cao Đài.

Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài đều có đường hướng hành đạo: Hành đạo trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đoàn kết, hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng giữa các tôn giáo.

Cơ cấu tổ chức của các Hội thánh, tổ chức của đạo Cao Đài gồm 2 cấp: ở Trung ương là Hội thánh, ở cơ sở là họ đạo. Tại các tỉnh, thành phố có đông chức sắc, tín đồ được thành lập Ban Đại diện hoặc Đại diện để giúp Hội thánh ở trung ương hướng dẫn các hoạt động tôn giáo ở cơ sở là Họ đạo.

Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài tổ chức hoạt động liên giao hành đạo nhằm hoạt động chung trên một số lĩnh vực, như: giáo dục đào tạo chức sắc, hoạt động báo chí, hoạt động từ thiện xã hội. Đây là hoạt động thiết thực, góp phần tăng cường sự đoàn kết tôn giáo giữa các Hội thánh Cao Đài.

Các Hội thánh, tổ chức Cao Đài tích cực thực hiện hoạt động từ thiện xã hội, chú trọng chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, cứu giúp người dân khi đau yếu, bệnh tật với tinh thần cứu khó trợ nghèo. Hiện nay, có 93 cơ sở phòng thuốc nam khám chữa bệnh thuộc đạo Cao Đài, 135 cơ sở bốc thuốc, 11 cơ sở chăm sóc người già, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, các hội thánh, tổ chức Cao Đài có hơn 1,2 triệu tín đồ, hơn 13 nghìn chức sắc, 26 nghìn chức việc, 1.300 cơ sở tôn giáo ở 38 tỉnh, thành phố trong cả nước, tập trung chủ yếu ở Nam Bộ, như: Tây Ninh, Long An, Bến Tre, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang, v.v...

5. Phật giáo Hòa Hảo

Phật giáo Hòa Hảo do ông Huỳnh Phú Sổ (tín đồ suy tôn là Đức Huỳnh Giáo chủ) sáng lập ngày 18/5 năm Kỷ Mão (1939) tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc (nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang).

Phật giáo Hòa Hảo thờ Phật nhưng không thờ tượng cốt, tranh ảnh. Biểu tượng của Phật giáo Hòa Hảo là tấm vải màu dà (Trần Dà) với quan niệm *Phật tại tâm, tâm tức Phật*. Ngoài tôn thờ Phật, ông bà tổ tiên, Phật giáo Hòa Hảo đề cao và tôn thờ các anh hùng dân tộc và những người có công với cộng đồng. Giáo lý của Phật giáo Hòa Hảo là “Học Phật, tu Nhân”. Theo Phật giáo Hòa Hảo, tu nhân tạo nên công, học Phật tạo nên đức, có công có đức mới trở thành bậc hiền nhân.

Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo năm 1999 và đã trải qua 5 kỳ Đại hội. Bản Hiến chương 2019 khẳng định: đường hướng hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là “*Vì Đạo pháp, vì Dân tộc*”, tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Hòa Hảo là *Học Phật*,

tu Nhân, tại gia cư sĩ; giáo huấn tín đồ về Tứ Ân (Ân Tổ tiên Cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo, Ân Đồng bào và nhân loại), tám điều răn cấm và giáo lý chân truyền của Đức Huỳnh Giáo chủ, cứu giúp người nguy khó, tương trợ trong quan, hôn, tang, tế và thực hiện hữu ích cho xã hội.

Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có cơ cấu tổ chức 2 cấp: cấp Trung ương là Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo; cấp cơ sở là các Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo xã, phường, thị trấn. Tại một số tỉnh, thành phố có đông tín đồ, có Ban Đại diện Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo cấp tỉnh làm cầu nối giữa Ban Trị sự Trung ương và Ban Trị sự xã, phường, thị trấn.

Năm 2016, với nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ chức việc ngày càng tăng, được sự chấp thuận của Nhà nước, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đã thành lập Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo. Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo còn mở các lớp giáo lý căn bản để đào tạo giáo lý viên.

Hoạt động từ thiện - xã hội là nét đặc trưng, là phương thức tu học của chức việc, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, đồng thời thể hiện tính tích cực trong hoạt động nhập thế của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo. Danh mục các hoạt động từ thiện của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo rất đa dạng và không phân biệt dân tộc, tôn giáo, đạo - đời, đóng góp đáng kể vào công tác an sinh xã hội: xây mới và sửa chữa cầu nông thôn; sửa chữa và nâng cấp đường bộ; sửa chữa và xây dựng nhà tình thương; quyên góp gạo, tiền để tổ

chức cứu trợ cho các vùng bị lũ lụt; cấp thuốc đông y, nam y miễn phí; tham gia hỗ trợ cho những bệnh nhân nghèo đi khám, điều trị bệnh, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo có hơn 1,5 triệu tín đồ, 4 nghìn chức việc, 50 cơ sở thờ tự được nhà nước công nhận. Sự phân bố tín đồ của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo trải rộng trên địa bàn ở 22 tỉnh, thành phố nhưng không đều, chủ yếu tập trung ở 09 tỉnh miền Tây Nam bộ gồm: An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Tiền Giang, Long An và Kiên Giang.

Trụ sở Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo đặt tại An Hòa tự, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

6. Hồi giáo

Hồi giáo (Islam) được truyền vào cộng đồng dân tộc Chăm (Việt Nam) khoảng thế kỷ thứ X. Hồi giáo khi vào Việt Nam chịu sự chi phối bởi bản sắc truyền thống văn hóa lâu đời của Bà-la-môn giáo và hệ thống tín ngưỡng bản địa với chế độ mẫu hệ nên tính chính thống của Hồi giáo cũng bị biến thể phù hợp với truyền thống đạo đức và văn hóa của người Chăm, dẫn đến hình thành hai dòng: Hồi giáo Islam (còn gọi là Chăm Islam) và Hồi giáo Bàni (còn gọi là Chăm Bàni).

Đồng bào Chăm Islam và Chăm Bàni có niềm tin tôn giáo sâu sắc vào Thượng đế Allah và Thiên kinh Cô-ran

(Qur'an). Nhưng niềm tin đó lại có sự khác nhau trong quá trình thực thi giáo luật Hồi giáo giữa hai dòng: Chăm Islam thực thi giáo luật Hồi giáo hầu như trọn vẹn mang tính chính thống, yếu tố tôn giáo sâu sắc hơn; Chăm Bani thực hiện giáo luật mang tính tượng trưng, không thực hiện hết 5 điều sống đạo (chỉ thực hiện trong tháng Ramadan). Mặt khác, Chăm Bani chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tôn giáo Bà-la-môn và tín ngưỡng bản địa với chế độ mẫu hệ và tín ngưỡng đa thần, có yếu tố dân tộc mang tính vượt trội. Tín đồ Hồi giáo (Islam) tập trung ở 12 tỉnh, thành phố: An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Nai, Ninh Thuận, Kiên Giang, Trà Vinh, Tiền Giang, Long An, Cần Thơ, Bình Phước, Hà Nội. Tín đồ Hồi giáo Bani tập trung ở Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước.

Ở Việt Nam hiện có hơn 80 nghìn tín đồ Hồi giáo, hơn 1.000 chức sắc, chức việc, 89 cơ sở thờ tự Hồi giáo. Trong đó, Hồi giáo (Islam) có khoảng trên 30 nghìn tín đồ, hơn 600 chức sắc, chức việc, 64 cơ sở thờ tự; Hồi giáo Bani có khoảng 50 nghìn tín đồ, hơn 400 chức sắc, chức việc, 25 cơ sở thờ tự.

Về cơ cấu tổ chức, hiện nay có 06 tổ chức Hồi giáo được Nhà nước công nhận ở cấp tỉnh, thành phố, trong đó có 04 tổ chức Hồi giáo (Islam) và 02 tổ chức Hồi giáo Bani, cụ thể:

- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) TP. Hồ Chí Minh được công nhận tổ chức tôn giáo năm 1992.

- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2004. Đổi tên thành Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang năm 2020.

- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2010. Đổi tên thành Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh năm 2020.

- Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Ninh Thuận được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2012. Đổi tên thành Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Ninh Thuận năm 2022.

- Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàni tỉnh Ninh Thuận được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2007.

- Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bàni tỉnh Bình Thuận được công nhận tổ chức tôn giáo năm 2012.

Ngoài ra, ở thành phố Hà Nội, Đồng Nai và một số địa phương, chính quyền công nhận Ban quản trị thánh đường ở các khu vực có tín đồ và cơ sở thờ tự Hồi giáo.

Mỗi tổ chức Hồi giáo ở từng địa phương có quy chế tổ chức và hoạt động độc lập với nhau, tuy nhiên đều có sự thống nhất về đức tin và đường hướng hành đạo. Có thể khái quát đường hướng hành đạo của các tổ chức Hồi giáo ở Việt Nam (bao gồm Hồi giáo (Islam) và Hồi giáo Bàni) là: Tôn thờ Thượng đế (Allah), tôn kính Nabi Muhammad và Thiên kinh Cô-ran; hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đoàn kết tôn giáo, dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cộng đồng Hồi giáo Việt Nam rất tích cực tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động này được thực hiện quanh năm, nhưng đặc biệt quan trọng trong tháng lễ Ramadan do đây là một trong năm điều cốt đạo trong giáo lý Islam. Những hoạt động từ thiện thường được triển khai là: trao quà cho người già neo đơn, các hộ nghèo, các em khuyết tật; làm giếng khoan để cung cấp nguồn nước sạch cho bà con sinh hoạt; hỗ trợ học bổng và phương tiện đi lại để khích lệ tinh thần hiếu học, vượt khó của những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, v.v...

Cộng đồng Hồi giáo Việt Nam có mối quan hệ quốc tế phong phú, chủ yếu diễn ra trong cộng đồng Chăm Islam với mức độ đa dạng, phong phú. Các hoạt động quốc tế của cộng đồng Hồi giáo Việt Nam thể hiện dưới các hình thức: tham gia các hoạt động tôn giáo (xướng kinh Cô-ran (Qur'an), hành hương Méc-ca (Mecca), tập huấn I-mâm, hội thảo, du học, v.v...) và tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, v.v... Hoạt động thuyết giảng giáo lý (Dawa'h) trong cộng đồng Hồi giáo Việt Nam thời gian qua diễn ra sôi nổi, với sự tham gia của các đoàn đến từ My-an-ma, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Ả-rập Xê-út, v.v...

7. Tôn giáo Baha'í

Tôn giáo Baha'í ra đời năm 1863 tại Ba Tư (nay là Iran) do Mirza Husayn Ali (1817 - 1892) được tín đồ gọi là Baha'u'llah (nghĩa là vinh quang của Thượng Đế) sáng lập và được du nhập vào Việt Nam từ năm 1954. Hội đồng

Tinh thần Tôn giáo Baha'i địa phương đầu tiên ở Việt Nam được thành lập ngày 21/4/1955 tại Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1964, Hội đồng Tinh thần Tôn giáo Baha'i toàn quốc đầu tiên được thành lập. Năm 1970 có khoảng 95 nghìn tín đồ tôn giáo Baha'i và đến đầu năm 1975 tăng lên khoảng 205 nghìn tín đồ tôn giáo Baha'i với 687 Hội đồng Tinh thần địa phương.

Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam được Nhà nước cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ngày 28/3/2007 và công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có nhiệm kỳ đại hội là 01 năm, đến năm 2022, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam đã trải qua 15 kỳ đại hội. Cơ cấu tổ chức của Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam gồm 02 cấp: Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i Việt Nam và Hội đồng Tinh thần tôn giáo Baha'i địa phương (xã, phường, thị trấn, quận, huyện, tỉnh).

Đường hướng hành đạo của Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam là hoạt động tuân thủ pháp luật Việt Nam, nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp dân tộc, tôn giáo; phấn đấu vì sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, vì nền văn minh của nhân loại.

Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam tham gia nhiều hoạt động xã hội, như: tham dự các hội thảo, cùng các tôn giáo bạn đối thoại về khả năng góp phần vào các chương trình phát triển xã hội; hoạt động nhân đạo từ thiện; hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Các hoạt động từ thiện được Cộng đồng tôn giáo Baha'i

Việt Nam tổ chức hằng năm, đặc biệt vào dịp Lễ Ayyam-i-Ha (Ngày của Thượng Đế) và được tổ chức rộng khắp tại tất cả các địa phương có tín đồ Baha'i.

Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có quan hệ thường xuyên với cộng đồng Baha'i trên thế giới. Hoạt động của Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam thống nhất với cộng đồng Baha'i các nước thông qua sự chỉ đạo chung của Tòa Công lý Quốc tế và Ban Cố vấn châu lục ở mỗi châu lục trên thế giới.

Tính đến tháng 12 năm 2021, Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam có khoảng 7 nghìn tín đồ, sinh sống ở 45 tỉnh, thành phố trong cả nước, tập trung đông nhất tại một số tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Nam, Gia Lai, Ninh Thuận, Bình Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang, Kiên Giang. Cộng đồng tôn giáo Baha'i Việt Nam không có chức sắc, số lượng chức việc là hơn 300 người. Về cơ sở thờ tự, trên thế giới, tôn giáo Baha'i có 05 ngôi đền lớn ở Liên Xô (cũ), Mỹ, Pa-na-ma, U-gan-đa, Úc. Thánh địa trung tâm ở trên núi Carmel (I-xra-en). Ở Việt Nam, Cộng đồng tôn giáo Baha'i không có cơ sở thờ tự tập trung, chỉ thực hiện sinh hoạt tôn giáo tại một số văn phòng làm việc ở các địa phương và nhà riêng.

8. Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn Bông, sinh năm 1886 tại xã Tân Mỹ, tổng An Thạnh Thượng, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp) sáng lập.

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam lấy giáo lý đạo Phật làm gốc, phương châm hành đạo là “Tu học, Hành thiện, Ích nước, Lợi dân”, tôn chỉ là “Phước - Huệ song tu”. Trong đó, *Tu Phước* là đóng góp công sức, trí tuệ, tài vật để xây dựng, phát triển ngành y dược dân tộc (phòng thuốc nam phước thiện) để chữa bệnh miễn phí giúp người đời và đây được xem là phương tiện để tạo cơ hội cho người nghèo khó có cơ duyên đến với phật pháp; *Tu Huệ* là học Kinh - Luật - Luận của Phật giáo để nâng cao trí tuệ, nâng cao sự hiểu biết để đạt tới giải thoát, an vui, thông qua Tu Huệ để giác ngộ trong việc Tu Phước, thúc đẩy lẫn nhau phát triển trong một con người, từ đó phát triển rộng ra xã hội, nhằm xây dựng một xã hội đoàn kết, thân ái và tương trợ nhau lúc khó khăn cũng như lúc ốm đau.

Giáo luật của Tịnh hội Cư sĩ Phật hội Việt Nam quy định: mọi chức sắc, chức việc, tín đồ phải tuân theo thọ tam quy: quy Phật, quy Pháp, quy Tăng; thực hành ngũ giới: không sát sinh, không trộm cắp, không uống rượu, không tà dâm, không nói dối.

Ngày 27/11/2007, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam được Nhà nước Việt Nam công nhận tổ chức tôn giáo. Cơ cấu tổ chức của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam gồm 3 cấp: cấp Trung ương có Ban Trị sự Trung ương; cấp tỉnh, thành phố có Ban Trị sự tỉnh, thành hội; cấp phường, xã có Ban Trị sự chi hội. Cơ sở thờ tự của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam gọi là hội quán, mỗi hội quán đều có phòng thuốc nam phước thiện.

Hoạt động của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam chủ yếu thông qua hệ thống các phòng thuốc nam phước thiện, đây là hoạt động quan trọng nhất và cũng là hoạt động từ thiện xã hội chủ yếu của tổ chức tôn giáo này. Hệ thống phòng thuốc nam phước thiện của Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đã góp phần chia sẻ gánh nặng về khám chữa bệnh cho xã hội và Nhà nước.

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có hơn 600 nghìn tín đồ; hơn 600 chức sắc, 2.200 chức việc; 212 hội quán (212 phòng thuốc nam phước thiện) phân bố ở 23 tỉnh, thành phố trong cả nước.

9. Cơ đốc Phục lâm

Cơ đốc Phục lâm ở Việt Nam do Liên hiệp hội Cơ đốc Phục lâm Ngày thứ Bảy Hoa Nam tại Hồng Kông truyền vào Việt Nam và gây dựng cơ sở đầu tiên vào năm 1929. Sau năm 1954, Cơ đốc Phục lâm ở Việt Nam chính thức được gọi là Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm An thất nhật Việt Nam và là cấp địa hạt của Liên hiệp hội Đông Nam Á trong cơ cấu giáo hội toàn cầu của Cơ đốc Phục lâm.

Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được Nhà nước Việt Nam công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam tổ chức Đại hội đồng 05 năm/lần. Tính đến nay, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam đã trải qua 04 kỳ đại hội.

Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam xác định đường hướng hành đạo: “Hết lòng thờ phượng Ba Ngôi Đức Chúa

Trời, yêu thương và giúp đỡ cho đồng loại, sống theo Kinh Thánh Cựu ước và Tân ước, tuân giữ hoàn toàn theo luật pháp Mười điều răn để mỗi người Cơ đốc sẵn sàng chờ đón sự phục lâm của Chúa Giê-su, đồng thời phục vụ Tổ quốc, gắn bó dân tộc và tuân thủ luật pháp”.

Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam thực hiện và tham gia thực hiện nhiều hoạt động an sinh do chính quyền, đoàn thể các cấp phát động. Hoạt động xã hội tiêu biểu của Giáo hội tập trung vào 05 mảng chính: giáo dục (cấp học bổng, hỗ trợ trang thiết bị học đường), y tế (xây dựng trạm y tế, khám bệnh miễn phí), chống biến đổi khí hậu (trồng rừng), xây dựng cộng đồng (xây dựng cầu đường, nhà tình thương, khoan giếng, v.v...), từ thiện nhân đạo (hỗ trợ cây trồng, vật nuôi cho các gia đình khó khăn; tham gia ủng hộ người nghèo, chăm lo cho trẻ em mồ côi, v.v...).

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam có khoảng 18 nghìn tín đồ (70% là người dân tộc thiểu số); 19 Hội thánh, 175 điểm nhóm; 214 chức sắc (18 mục sư, 196 truyền đạo); hoạt động trên địa bàn 37 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tập trung chủ yếu tại các tỉnh, thành phố gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Bình Phước, Đồng Nai, Điện Biên. Năm 2017, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam được Nhà nước cho phép thành lập Trường Kinh thánh Cơ đốc có chức năng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng và cử nhân Thần học.

10. Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa

Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa do ông Ngô Lợi sáng lập vào năm 1867 tại Cù lao Ba (huyện An Phú, tỉnh An Giang ngày nay). Khi mới ra đời, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được ông Ngô Lợi gọi là đạo “Thờ ông bà”. Từ năm 1870 trở đi, tôn giáo này mới có tên gọi chính thức là “Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa”. Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo năm 2010 với tên gọi là Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa. Đến năm 2020, tại Đại hội Đại biểu cấp toàn đạo lần thứ III (nhiệm kỳ 2020-2025) đã thống nhất đổi tên gọi tôn giáo từ “Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa” thành “Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa” và đổi tên tổ chức tôn giáo từ “Đạo hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa” thành “Phật hội Tứ Ân Hiếu nghĩa”.

Tôn chỉ hành đạo của Phật giáo Tứ Ân Hiếu nghĩa là: “Tu nhân, học Phật”; đường hướng hành đạo của Phật hội Tứ Ân Hiếu nghĩa là: “Hành Tứ ân - Sống hiếu nghĩa - vì đại đoàn kết dân tộc”. Giáo lý, giáo luật của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa rất gần gũi với đạo đức xã hội Việt Nam và mang nhiều ý nghĩa tích cực, nhân văn. Các tín đồ của đạo không chỉ thực hiện “Tu nhân - học Phật” mà thực hiện rất nghiêm túc “Tứ đại trọng ân” (Ân Tổ tiên Cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo, Ân Đồng bào nhân loại).

Cơ cấu tổ chức của Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa gồm 2 cấp hành chính đạo: cấp trung ương là Ban Trị sự Trung ương Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa, cấp cơ sở là Ban Trị sự cơ sở.

Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội thường xuyên nhưng chỉ được tiến hành ở nội thôn và đối với tín đồ Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa có hoàn cảnh khó khăn. Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa đã vận động các nhà hảo tâm hỗ trợ chương trình an sinh xã hội như: tặng quà, xây nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn; ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, quỹ người nghèo, quỹ cây mùa xuân, quỹ khuyến học, cầu, đường, trường, trạm y tế; ủng hộ tiền và hiện vật cho Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 74 cơ sở thờ tự; 500 chức sắc, chức việc; khoảng 78 nghìn tín đồ, sinh sống tập trung tại 16/63 tỉnh, thành phố, bao gồm: An Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Bình Định, Đồng Nai, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, Cà Mau, Long An, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Đắk Lắk. Trong đó, tỉnh An Giang là trung tâm của Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa với khoảng 36 nghìn tín đồ, phân bố ở 11 huyện, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

11. Minh Sư đạo

Minh Sư đạo có nguồn gốc từ Trung Quốc xuất hiện vào khoảng thời kỳ nhà Đường, được truyền vào Việt Nam từ đời vua Tự Đức (1848-1883). Minh Sư có thể hiểu rằng: Minh có nghĩa là sáng, thông hiểu đến sáng suốt; Sư là người tu đạt tới giải thoát, trở thành thầy; Minh Sư là

người tu đạt tới sự thông hiểu, sáng suốt, giải thoát để trở thành bậc thầy. Người đầu tiên truyền đạo vào Việt Nam là trưởng lão Đông Sơ và lập ngôi chùa Quảng Tế Phật đường ở Hà Tiên (nay là Kiên Giang).

Hệ thống giáo lý của Minh Sư đạo có tôn chỉ, mục đích thuần túy tôn giáo nhằm hướng dẫn tín đồ tự độ, tự tha, tu chơn giải thoát, hiệp nhất tinh hoa của ba nền tôn giáo Nho - Thích - Đạo. Giáo luật của Minh Sư đạo quy định nghiêm ngặt, tín đồ phải ăn chay trường, hiểu biết chữ Hán, sau thời gian thử thách mới được xuất gia vào đạo.

Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Hệ thống tổ chức hành đạo gồm 02 cấp: cấp Trung ương là Hội đồng Trưởng lão, Ban Trị sự Trung ương; cấp cơ sở là Ban Trị sự Phật đường. Ở tỉnh, thành phố có nhiều Phật đường có Ban Trị sự tỉnh, thành phố (không phải là một cấp hành chính) để làm đầu mối hướng dẫn các Phật đường cơ sở hành đạo tại địa phương.

Nguyên tắc hoạt động của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối cao, hàng chức sắc, tu sỹ và tín đồ làm tâm điểm, các thành viên tham gia tự nguyện, đoàn kết, hòa hợp, kính ngưỡng, phụng hành giáo pháp, giới luật và tuân thủ pháp luật Nhà nước.

Sinh hoạt nghi lễ của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo được tổ chức trang nghiêm tại các Phật

đường thu hút đông đảo tín đồ tham dự, như: Lễ Vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ngày 9 tháng Giêng; Lễ Thượng ngươn ngày Rằm tháng Giêng, v.v...

Hoạt động xã hội là một trong các nhiệm vụ quan trọng của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo thực hiện theo tinh thần lục hòa để phục vụ đạo pháp, phục vụ chúng sinh. Trong những năm qua, giáo hội đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện ở các Phật đường, như: nấu cơm từ thiện, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, giúp đỡ các hộ nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo có hơn 5 nghìn tín đồ, hơn 150 chức sắc, trên 200 chức việc; 52 Phật đường hoạt động ở 18 tỉnh, thành phố: Bến Tre, Long An, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Tiền Giang, Vĩnh Long, Ninh Bình, Hà Nội, Kiên Giang, Hậu Giang, Cần Thơ, Đà Nẵng, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định. Tổ đình của Giáo hội Phật đường Nam tông Minh Sư đạo đặt tại Quang Nam Phật đường, số 17 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Minh Lý đạo - Tam Tông miếu

Minh Lý đạo - Tam Tông miếu được thành lập năm 1924, do 6 vị sáng lập: Âu Kiệt Lâm, Nguyễn Văn Xung, Nguyễn Văn Đễ, Lê Văn Ngọc, Nguyễn Văn Miết, Võ Văn Thạnh. Quá trình khai đạo, các vị sáng lập đã xây dựng,

hoàn thiện hệ thống tổ chức, giáo lý, giáo luật, kinh sách phục vụ cho tín đồ tu hành.

Giáo lý của Minh Lý đạo - Tam Tông miếu là sự đúc rút tinh hoa Tam giáo Phật - Lão - Nho làm căn bản để hướng dẫn tín đồ tu hành, tự độ, vị tha, xây dựng xã hội hòa bình, an lạc. Minh Lý đạo - Tam Tông miếu không thờ thánh tượng mà thờ bài vị, kinh sách dùng Việt ngữ để thuận lợi trong việc tu học và truyền bá tư tưởng tôn giáo. Hoạt động của Minh Lý đạo - Tam Tông miếu chủ yếu là tu tịnh tại cơ sở. Chức sắc, tín đồ thuần túy tu hành không phổ độ nên số lượng tín đồ ít.

Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo năm 2008. Cơ cấu tổ chức của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu được xây dựng theo 02 cấp: cấp Trung ương có Hội đồng Hội thánh và Ban Quản trị Hội thánh; cấp cơ sở là Chi đạo.

Với mục đích tu hành để tự độ, độ tha, công việc phước thiện của Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu luôn được quan tâm và hoạt động tích cực: ủng hộ tiền mặt giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam; cứu trợ, chia sẻ những khó khăn của đồng bào bị thiên tai, bão lụt tại miền Trung, v.v... Năm 2011, Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu đã khai trương phòng khám từ thiện tại Thánh sở Tam Tông miếu, số 82 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh với mục đích khám bệnh, chẩn đoán và trị liệu cho nhân sinh không phân biệt đối tượng và địa phương.

Tính đến tháng 12 năm 2021, Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông miếu có trên 650 tín đồ, khoảng 100 chức sắc, 100 chức việc, 04 cơ sở tôn giáo, hoạt động tập trung ở 03 tỉnh, thành phố: Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà-la-môn giáo

Bà-la-môn giáo là một tôn giáo hình thành ở Ấn Độ, du nhập vào cộng đồng dân tộc Chăm từ rất sớm. Trải qua các giai đoạn phát triển, người Chăm đã sàng lọc, lược bỏ đi những gì không phù hợp với đời sống dân chúng của giáo lý Bà-la-môn và thay vào những yếu tố bản địa hình thành nên một tôn giáo riêng của dân tộc mình - Bà-la-môn giáo của người Chăm.

Giáo lý, giáo luật Bà-la-môn giáo của người Chăm ở Việt Nam không có hệ thống rõ ràng, không còn giữ được nguyên vẹn những quy định của đạo Bà-la-môn nguyên thủy mà bị bản địa hóa và hòa quyện vào phong tục, tập quán của người Chăm. Các nghi lễ từ cưới hỏi, tang ma cũng như các nghi thức cúng bái đều mang tính bản địa của xã hội Chăm từ xa xưa. Bà-la-môn giáo là một tôn giáo đề cao phụ quyền, khi du nhập vào xã hội mẫu hệ của người Chăm đã biến đổi nhiều.

Tuy nhiên, những nét cơ bản trong giáo lý, giáo luật của Bà-la-môn giáo vẫn được lưu giữ trong cộng đồng Chăm Bà-la-môn dưới dạng những quan niệm tín ngưỡng, tôn giáo, những quy định cụ thể liên quan đến đời sống

người Chăm Bà-la-môn và những điều cấm kỵ trong đạo đức, lối sống.

Tuy là một tôn giáo có nguồn gốc từ nước ngoài nhưng cộng đồng Bà-la-môn giáo ở Việt Nam có quan hệ quốc tế rất ít, sinh hoạt tôn giáo diễn ra khép kín trong các đình, đền, tháp. Đặc biệt, Bà-la-môn giáo ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của chế độ mẫu hệ.

Hai tổ chức tôn giáo của người Chăm Bà-la-môn đã được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo năm 2012 là: Hội đồng Chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Ninh Thuận và Hội đồng Chức sắc Bà-la-môn giáo tỉnh Bình Thuận. Nhiệm kỳ của các tổ chức Bà-la-môn giáo kéo dài 05 năm. Hội đồng chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận đã trải qua 03 kỳ đại hội.

Việc tham gia các hoạt động từ thiện xã hội được cộng đồng Chăm Bà-la-môn hưởng ứng tích cực qua những chương trình thiết thực như: đóng góp Quỹ Vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai, ủng hộ góp đá xây dựng đảo Trường Sa, tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và ủng hộ với biến đổi khí hậu do Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động, tham gia chương trình khuyến học do địa phương tổ chức, v.v...

Người Chăm Bà-la-môn sinh sống tập trung ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận với số lượng hơn 66 nghìn người, hơn 400 chức sắc, chức việc. Cơ sở thờ tự chủ yếu của người Chăm Bà-la-môn là hệ thống các đền, tháp và

các cơ sở nhỏ lẻ khác như miếu, lăng, dinh, nhà tự, chùa, v.v... Hiện nay, ở cả hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận có 42 cơ sở thờ tự. Đa số các đền, tháp có niên đại từ xa xưa và đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa.

14. Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô

Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô ra đời năm 1830 tại Fayette, New York, Hoa Kỳ. Trụ sở của Giáo hội đặt tại thành phố Salt Lake, tiểu bang Utah, Hoa Kỳ. Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô tổ chức theo hệ thống toàn cầu: trung ương (toàn cầu) - giáo vùng (cấp châu lục) - giáo khu, giáo hạt (cấp quốc gia); có phạm vi hoạt động ở trên 189 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô truyền vào Việt Nam từ năm 1962, là cấp giáo hạt thuộc vùng châu Á nằm trong Giáo hội toàn cầu. Tính đến năm 1975, Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô có khoảng trên 1.000 tín đồ. Năm 1995, Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô hình thành 2 điểm nhóm ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo năm 2019.

Tôn chỉ, mục đích, đường hướng hoạt động của Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt

Nam là: Thờ phượng Thượng Đế, kết nối và khuyến khích những người có cùng niềm tin xây dựng gia đình vững mạnh, phục vụ cộng đồng, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Hoạt động nhân đạo, y tế, giáo dục của Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô tách biệt với hoạt động tôn giáo. Hoạt động tôn giáo do Ban Điều phối thực hiện; hoạt động từ thiện nhân đạo do tổ chức Latter-day Saints Charity (LDSC) - quỹ nhân đạo của Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô thực hiện thông qua kênh tổ chức phi chính phủ. Tổ chức LDSC đã thực hiện nhiều chương trình từ thiện nhân đạo tại Việt Nam, một số chương trình tiêu biểu như: (1) Phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trao tặng 5 nghìn xe lăn và 1 nghìn khung tập đi cho người tàn tật tại Việt Nam giai đoạn 2019-2021; (2) Ủng hộ quỹ vắc-xin, ủng hộ các máy thở và nhiều phần quà, trang thiết bị có giá trị lớn cho công tác chống dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam với số tiền lên đến hàng chục tỉ đồng, v.v... Về phía Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam, các tín hữu của Giáo hội được khuyến khích hoạt động cộng đồng: tham gia các dự án phục vụ vì lợi ích của những người thiếu thốn, nghèo đói, bệnh tật, v.v...

Tính đến tháng 12 năm 2021, Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam có hơn 2.300 tín đồ đang sinh hoạt ở 11 chi nhánh tại các tỉnh, thành

phổ trên cả nước; 04 chức việc là thành viên của Ban Điều phối Giáo hội.

15. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương do ông Đoàn Minh Huyền khai lập vào năm 1849 (năm Kỷ Dậu) tại Cốc ông Đạo Kiến (nay là Tây An cổ tự, xã Long Kiến, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang).

Giáo lý của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là “Tu nhân - học Phật” và thực hành việc báo đáp “Tứ đại trọng ân” (Ân Trời Phật, Ân Quân Vương, Ân Cha mẹ, Ân Sư phụ), sau này Tứ ân được hiểu là: Ân Tổ tiên Cha mẹ, Ân Đất nước, Ân Tam bảo và Ân Đồng bào nhân loại.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lấy “Tam quy, Ngũ giới” làm giáo luật. Tam quy được hiểu là việc tín đồ khi gia nhập pháp môn phải tự nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Ngũ giới cấm gồm: cấm sát sinh; cấm tà dâm; cấm tham lam; cấm rượu chè, cờ bạc, hút sách, bói toán, mê tín dị đoan; cấm ác khẩu, gian dối, vọng ngữ, chàm chọc gây chia rẽ.

Tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương coi việc “Tu nhân” là tôn chỉ trong tu hành giúp cho con người loại trừ những cái xấu và hướng thiện, tự rèn sửa tâm tính, làm lành tránh dữ, tích đức cho sau này khi được dự “Hội Long Hoa”. Việc “Tu nhân” còn giúp con người luôn sống đúng với đạo làm người, giúp ích gia đình xã hội, có luân thường đạo lý, có đầy đủ Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Với đặc thù riêng của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương từ trước đến nay là không hình thành tổ chức giáo hội cho nên nên tảng tổ chức cơ bản của Đạo chính là chùa Bửu Sơn Kỳ Hương bởi vì: chùa là tổ chức độc lập, là nơi thờ tự chung của cộng đồng tín đồ sinh hoạt lễ nghi tôn giáo ở mỗi địa phương do ông Đoàn Minh Huyền hoặc đệ tử của ông dựng lên; chùa còn là đầu mối điều hành, tổ chức và quản lý mọi hoạt động nghi lễ tôn giáo cả về đối nội, đối ngoại. Vì vậy, việc tổ chức bộ máy lãnh đạo quản lý hoạt động của chùa Bửu Sơn Kỳ Hương có sự khác nhau ở mỗi địa phương.

Tính đến tháng 12 năm 2021, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương có khoảng 10 nghìn tín đồ, sinh sống tập trung ở các tỉnh: An Giang, Đồng Tháp, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Tiền Giang và Bến Tre; 8 cơ sở thờ tự đã được Nhà nước cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận Ban Trị sự, Ban Quản trị chùa.

16. Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn

Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn là tôn giáo nội sinh, do ông Nguyễn Ngọc An sáng lập năm 1915 tại Kiên Giang. Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn có mục đích hành đạo: “An bình - Bác ái - Từ tâm - Học phật - Tu nhân - Báo đáp tứ ân”; tôn chỉ hoạt động: “Phật pháp - Đạo pháp - Hiếu nghĩa - Dân tộc”.

Tổ chức Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn được Nhà nước cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo năm 2016. Trụ

sở chính đặt tại Tổ đình An Bình tự, tổ 39, khu phố Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Các tổ chức, cá nhân, chức việc và tín đồ Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn sinh hoạt, hoạt động tôn giáo theo truyền thống của nền đạo, tổ chức các hoạt động từ thiện xã hội theo quy định của pháp luật. Ngày 9 - 10/6/2022, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn đã tổ chức Đại hội cấp toàn đạo lần thứ I nhiệm kỳ 2022 - 2025. Đây là bước tiền đề để tiến tới được Nhà nước công nhận tổ chức tôn giáo.

Tính đến tháng 12 năm 2021, Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn có 08 cơ sở thờ tự (gồm 05 chùa, 03 am, 01 cốc), khoảng 6.500 tín đồ đang sinh sống ở 4 tỉnh, thành phố là An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang. Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn không có đội ngũ chức sắc chuyên nghiệp, chỉ có các chức việc phụ trách sinh hoạt tôn giáo tại các chùa và am, họ là những người tâm đạo, có uy tín trong cộng đồng tín đồ.

CHƯƠNG II

CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ đổi mới

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng cũng như trong lãnh đạo việc quản lý xã hội và điều hành đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến tôn giáo và có chính sách tín ngưỡng, tôn giáo đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn của cách mạng.

Năm 1986, Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới được đánh dấu bằng Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, với chủ trương đổi mới toàn diện về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Vấn đề tôn giáo và công tác tôn giáo được Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đó là: *Đảng và Nhà nước Việt Nam, trước sau như một, thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng. Lãnh đạo và giúp đỡ đồng bào theo tôn giáo đoàn kết xây dựng cuộc sống mới và hăng hái tham gia bảo vệ Tổ quốc.* Đây là một số quan điểm định hướng có ý nghĩa căn cốt đối với chính sách pháp luật về tôn giáo của Việt Nam.

Đến năm 1990, Đảng Cộng sản Việt Nam có chủ trương riêng về tôn giáo, xác định: *Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện đoàn kết lương giáo, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Trong giai đoạn 1990 - 2003, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều văn kiện về vấn đề tôn giáo. Chỉ thị 37-CT/TW ngày 02/7/1998 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới khẳng định: *“Những hoạt động của tôn giáo ích nước lợi dân, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng, hợp pháp của tín đồ được bảo đảm, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo được tôn trọng và khuyến khích phát huy. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của công dân”*. Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII ngày 16/7/1998 về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong mục chính sách văn hóa đối với tôn giáo, nêu rõ: *“Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo”*. Như vậy, Đảng đã nhận thức về tính hướng thiện, những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo cần được phát huy, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Sau 13 năm thực hiện chính sách đổi mới đối với tôn giáo, tổng kết thực tiễn, đồng thời xem xét những vấn đề mới nảy sinh, trong bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều thay đổi quan trọng, ngày 12/3/2003, tại Hội nghị lần thứ VII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo. Văn kiện đã trở thành nền tảng chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo trong thời kỳ đổi mới.

Nghị quyết số 25-NQ/TW thể hiện sự nhất quán quan điểm, chính sách đối với tôn giáo đã được nêu trong các văn kiện của Đảng trước đây và khẳng định: *hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Nghị quyết 25-NQ/TW nhấn mạnh 5 quan điểm chính sách đối với tôn giáo, đó là:

1- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng

pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bình đẳng trước pháp luật.

2- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

3- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các tôn giáo với sự nghiệp chung. Mọi công dân không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo đều có quyền và nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo.

4- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị. Công tác tôn giáo có liên quan đến nhiều lĩnh

vực của đời sống xã hội, các cấp, các ngành, các địa bàn. Làm tốt công tác tôn giáo là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác tôn giáo có trách nhiệm trực tiếp, cần được củng cố và kiện toàn. Công tác quản lý nhà nước đối với các tôn giáo và đấu tranh chống việc lợi dụng tôn giáo để chống đối chế độ chỉ thành công nếu làm tốt công tác vận động quần chúng.

5- Mọi tín đồ đều có quyền tự do hành đạo tại gia đình và cơ sở thờ tự hợp pháp theo quy định của pháp luật. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước thừa nhận được hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ, được hoạt động tôn giáo, mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành, xuất bản kinh sách và giữ gìn, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự tôn giáo của mình theo đúng quy định của pháp luật. Việc theo đạo, truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; không được lợi dụng tôn giáo tuyên truyền tà đạo, hoạt động mê tín dị đoan, không được ép buộc người dân theo đạo. Nghiêm cấm các tổ chức truyền đạo, người truyền đạo và các cách thức truyền đạo trái phép, vi phạm các quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Quan điểm nhất quán về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định tại các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tháng 01/2021), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “*Thực hiện*

tốt mục tiêu đoàn kết tôn giáo, đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người theo quy định của pháp luật. Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo vào giữ gìn và nâng cao đạo đức truyền thống xã hội, xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội”. Đánh giá thành tựu, hạn chế liên quan đến tôn giáo, Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới: *“Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật; chủ động giúp đỡ, giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh của quần chúng, đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo”.* Văn kiện Đại hội XIII có nhiều nội dung bổ sung, cập nhật, kế thừa, tiếp thu những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà lãnh đạo, quản lý, quản trị về tôn giáo, các nhà khoa học và tín đồ, chức sắc của các tôn giáo. Đây là cơ sở định hướng trong nhận thức và thực hiện có hiệu quả công tác tôn giáo, tiếp tục phát huy “các nguồn lực của các tôn giáo” cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đồng thời đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thiếu thiện chí gây chia rẽ khối đoàn kết toàn dân tộc, lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam. Tiếp tục thực hiện tốt chính sách tôn giáo là góp phần quan trọng tạo sự ổn định và phát triển bền vững đất nước.

2. Pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo

2.1. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Nhà nước Việt Nam tôn trọng, bảo đảm và được khẳng định trong văn bản có giá trị pháp lý cao nhất - Hiến pháp. Trong từng giai đoạn phát triển của đất nước, các bản Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo hướng bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công. Năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã khẳng định *Quyền tự do tín ngưỡng* là một trong năm quyền cơ bản của công dân. Điều 10, Chương II - Nghĩa vụ và quyền lợi công dân ghi rõ: “*Công dân Việt Nam có quyền: tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài*”. Với việc tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của công dân, Hiến pháp năm 1946 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chính sách đối với tôn giáo trong phạm vi cả nước. Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có giá trị thời đại khi 02 năm sau (1948), quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được ghi nhận tại Điều 18 - Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người: “*Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo, kể cả tự do thay đổi tín ngưỡng hoặc*

tôn giáo của mình và quyền tự do bày tỏ tín ngưỡng hay tôn giáo của mình dưới các hình thức truyền giảng, thực hành, thờ cúng và tuân thủ các nghi lễ, dưới hình thức cá nhân hay tập thể, tại nơi công cộng hoặc nơi riêng tư.

Trong bản Hiến pháp năm 1959 được Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 31/12/1959, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được tái khẳng định và mở rộng hơn, công dân không chỉ có quyền “theo tôn giáo” mà còn có quyền “không theo một tôn giáo nào”. Điều 26, Chương III - Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định: “*Công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.*”

Kế thừa và phát triển Hiến pháp năm 1946 và 1959, Hiến pháp năm 1980 ngoài việc ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, còn quy định nội dung phòng ngừa việc lợi dụng tôn giáo để làm những điều trái pháp luật, chính sách của Nhà nước: “*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước*” (Điều 68, Chương V - Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Bước vào thời kỳ đổi mới, trước những biến đổi nhanh chóng của tình hình và yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân vẫn tiếp tục được khẳng định tại Hiến pháp năm 1992, đồng thời Hiến pháp năm 1992 còn thể hiện quan điểm về sự

bình đẳng giữa các tôn giáo và trách nhiệm bảo hộ của nhà nước đối với nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo. Điều 70, Hiến pháp năm 1992 ghi rõ: *“Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”*.

Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, nhằm đáp ứng, phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, ngày 28/11/2013, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Hiến pháp năm 2013 (có hiệu lực từ 01/01/2014), gồm 11 chương, 120 điều. Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm mới, trong đó điểm đổi mới quan trọng là thể hiện quan điểm nhất quán về vấn đề quyền và nghĩa vụ con người.

Hiến pháp năm 2013 đề cao giá trị quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm. Điều này không chỉ cam kết thực hiện các văn bản pháp luật quốc tế về quyền con người (Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền con người năm 1948, Công ước Quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị năm 1966) mà Việt Nam là thành viên, mà còn thể hiện trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam đối với thế giới.

Đặc biệt, Hiến pháp năm 2013 có ba điểm mới về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thể hiện sự nhìn nhận

của Nhà nước Việt Nam về quyền con người, quyền công dân theo hướng ngày càng hoàn thiện, dân chủ, bình đẳng, đó là: (1) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nội dung quan trọng của Chương II về quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân; (2) Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người; (3) Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Hiến pháp năm 2013 là cơ sở pháp lý cao nhất để mọi người bảo vệ và thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mình.

Điều 24, Hiến pháp năm 2013 hiến định như sau: “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; 3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.”.

Hiến pháp năm 2013 có sự đổi mới quan trọng về chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, không chỉ là quyền của “công dân” Việt Nam mà là quyền của tất cả “mọi người” và quyền này không bị giới hạn bởi quốc tịch, giới tính, độ tuổi, v.v... Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và những bảo đảm của Nhà nước trong việc ghi nhận, tôn trọng, thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Lần đầu tiên vấn đề giới hạn các quyền được quy định thành nguyên tắc trong Hiến pháp. Điều 14, Hiến pháp

năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Quyền con người, quyền công dân là những quyền mà con người, công dân có toàn quyền định đoạt và chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong những trường hợp cần thiết. Theo đó, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền con người, nên việc quy định hạn chế quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được quy định cụ thể và bằng luật.

Hiến pháp năm 2013 phân định thẩm quyền của Quốc hội, thẩm quyền của Chính phủ trong quyết định các chính sách tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo. Vấn đề đặt ra là cần phải ban hành luật để cụ thể hóa đầy đủ nội dung, quy định và tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Việc ghi nhận quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong Hiến pháp năm 2013 một lần nữa khẳng định chính sách nhất quán tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; tạo môi trường pháp lý quan trọng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động tôn giáo; đảm bảo sự tương thích với những điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết hoặc gia nhập; đồng thời là bước tiến quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ ổn định, bền vững giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo.

Có thể thấy rằng, so với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 là một bước tiến quan trọng trong

việc hiến định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, thể hiện sự kế thừa và phát triển trong thời kỳ Việt Nam đổi mới và hội nhập sâu rộng với thế giới. Hiến pháp năm 2013 cho thấy thái độ, cũng như chính sách dân chủ của Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo, coi đó là một nhu cầu và là quyền tất yếu của mọi người, cần phải được tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện để mọi người thực hiện tốt nhất quyền đó.

2.2. Những quy định về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

Nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và phù hợp với đời sống thực tiễn hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, ngày 18/11/2016, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 2 đã thông qua Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Chính phủ ban hành Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 *quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo* (Nghị định 162). Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 162 đồng thời có hiệu lực ngày 01/01/2018. Đây là các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung cơ bản về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong pháp luật hiện hành của Việt Nam cụ thể như sau:

- Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: “*Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*”. Như vậy, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đã mở rộng phạm vi chủ thể của quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, từ “*công dân*” thành “*mọi người*”, thể hiện đúng bản chất quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền của mọi người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lý, giáo luật tôn giáo; quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo; học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo. Đối với người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

- Quyền của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền: hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo; tổ chức sinh hoạt tôn giáo; xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và

tổ chức, cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho; các quyền khác theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị quản lý, giam giữ

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là quy định mới của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, thể hiện tính nhân văn sâu sắc cũng như trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam trong việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người (trong đó có cả những người bị quản lý, giam giữ).

Thực hiện quy định chi tiết nội dung này, Nghị định 162 quy định: người bị quản lý, giam giữ được sử dụng kinh sách xuất bản dưới hình thức sách in, phát hành hợp pháp để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân; được thể hiện niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo bằng lời nói hoặc hành vi của cá nhân theo quy định của pháp luật về nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam, trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; việc sử dụng quyền này không được làm ảnh hưởng đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín

ngưỡng, tôn giáo của người khác, không trái với quy định của pháp luật có liên quan.

- Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là: Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân; Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

- Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Bên cạnh việc thực hiện các quyền nêu trên, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định các tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng phải thực hiện nghĩa vụ, đó là: tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác của pháp luật có liên quan; chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt

động tôn giáo, thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

- Các hành vi bị nghiêm cấm

Theo Điều 14 của Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định các nhóm hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo; ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo; xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo và hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo bị cấm khi xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường; xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khỏe, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

- Quy định về đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung

Để đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định về đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ của tổ chức tôn giáo tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; cho những người thuộc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; và đặc biệt cho những người theo tôn giáo nhưng chưa có tổ chức được

cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc công nhận tổ chức tôn giáo.

Để được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, nhóm tín đồ của tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo phải đáp ứng các điều kiện: có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo; có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định các hành vi bị nghiêm cấm của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Đối với nhóm người theo tôn giáo chưa có tổ chức, ngoài phải đáp ứng các điều kiện của nhóm tín đồ của tổ chức tôn giáo và tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, còn phải có các điều kiện: có giáo lý, giáo luật; tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

- Quy định về cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi đủ các điều kiện: có giáo lý, giáo luật, lễ nghi; có tôn chỉ, mục

đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật; tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc; người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở; nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định các hành vi bị nghiêm cấm của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

Sau khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức được thực hiện các hoạt động: tổ chức các cuộc lễ tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo, giảng đạo, bồi dưỡng giáo lý; bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc; sửa chữa, cải tạo trụ sở; tham gia hoạt động từ thiện, nhân đạo; tổ chức đại hội thông qua hiến chương.

- Quy định về công nhận tổ chức tôn giáo, tư cách pháp nhân của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định một trong những điều kiện tiên quyết để tổ chức được công nhận tổ chức tôn giáo là: tổ chức đó phải hoạt động tôn giáo ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng

nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đây là nội dung mới của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. (Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định điều kiện để tổ chức được công nhận tổ chức tôn giáo là thời gian hoạt động ổn định, liên tục là 23 năm kể từ ngày được chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung).

Bên cạnh đó, tổ chức còn phải đáp ứng các điều kiện khác, như: có hiến chương theo quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự; có cơ cấu tổ chức theo hiến chương; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo lần đầu tiên xác nhận các tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại: “*Tổ chức tôn giáo là pháp nhân phi thương mại kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận*” (Điều 30). Đây là một nội dung mới, quan trọng của Luật nhằm xác định rõ địa vị pháp lý của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của tổ chức khi tham gia các quan hệ pháp luật. Quy định này phù hợp với xu thế quản lý trong nhà nước pháp quyền, pháp luật quốc tế cũng như

thực tiễn hoạt động của các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hiện nay.

Sau khi được công nhận, tổ chức tôn giáo được thực hiện: phong chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, chuyển chuyển, cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc, nhà tu hành; thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, mở lớp bồi dưỡng tôn giáo, v.v...

- Quy định về sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam

Nhà nước Việt Nam tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam. Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền: sinh hoạt tôn giáo, tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; sử dụng địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung; mời chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người Việt Nam thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo; mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo; vào tu tại cơ sở tôn giáo; học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng về tôn giáo của tổ chức tôn giáo ở Việt Nam; mang theo xuất bản phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo để phục vụ nhu cầu sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam. Chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được giảng đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác ở Việt Nam.

Trên cơ sở các quy định có tính nguyên tắc trên, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có điểm mới là tạo điều kiện cho nhóm người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung có thể thuê, mượn địa điểm để sinh hoạt tôn giáo, người nước ngoài có thể được tổ chức tôn giáo Việt Nam phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị.

- Quy định về hoạt động tôn giáo, hoạt động xuất bản, giáo dục, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo của tổ chức tôn giáo

Một trong những quy định mới trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo so với các quy định trước đây là việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo chỉ thực hiện một lần, đối với hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo thì thông báo bổ sung. Đây là quy định mới, tiến bộ, phù hợp với xu hướng cải cách hành chính hiện nay ở Việt Nam.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định: tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện các hoạt động quốc tế theo hiến chương của tổ chức tôn giáo phù hợp với pháp luật Việt Nam; phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia có liên quan khi thực hiện các hoạt động quan hệ quốc tế; được mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo, hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo; cử chức sắc,

chức việc, nhà tu hành, tín đồ tham gia hoạt động tôn giáo, đào tạo tôn giáo ở nước ngoài; được gia nhập tổ chức tôn giáo nước ngoài.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo được thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn giáo, đồ dùng tôn giáo; được tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo theo quy định của pháp luật có liên quan.

Nghị định 162 quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, đồ dùng tôn giáo và thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng viện trợ không hoàn lại.

- Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.

Để bảo đảm Luật Tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện có hiệu quả, đồng thời bảo đảm quyền phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định về thanh tra chuyên ngành tôn giáo; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện; xử lý

vi phạm trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Khi tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Cán bộ, công chức có hành vi vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo khi thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm: lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và pháp luật có liên quan; thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; vi phạm quy định về trình tự thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước đối với hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

Như vậy, có thể thấy rằng, cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội, sự mở rộng giao lưu, hội nhập và trở thành thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn trên thế giới, Việt Nam đã tích cực nội luật hóa các quy định của các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó có Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Ở Việt Nam, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Nhà nước ghi nhận, bảo hộ theo chiều hướng tiến bộ, tích cực. Việc không ngừng hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

đã thể hiện trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam trong lãnh đạo, quản lý xã hội, luôn quan tâm, coi trọng đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người và khẳng định đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

CHƯƠNG III

**THÀNH TỰ, THÁCH THỨC VÀ ƯU TIÊN
CỦA VIỆT NAM TRONG VIỆC
BẢO ĐẢM QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG,
TÔN GIÁO**

**1. Thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng,
tôn giáo ở Việt Nam**

**1.1. Nhà nước Việt Nam luôn coi trọng xây dựng và
hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý bảo hộ
quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo**

Là quốc gia thành viên của các công ước quốc tế quan trọng, Việt Nam cam kết tôn trọng và bảo đảm cho người dân các quyền đã được công nhận trong các công ước bằng hoạt động lập pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các quyền con người được các công ước ghi nhận.

Xác định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ phận nhân dân, đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và quyền tự do không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, Nhà nước Việt Nam rất quan tâm đến việc xây dựng, hoàn thiện, đổi mới chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo không ngừng được phát triển và hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo không những tăng nhanh về số lượng mà còn phong phú, đa dạng về hình thức. Nội dung các văn bản quy phạm pháp luật luôn được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được ghi nhận và được thể hiện trong các bản Hiến pháp từ khi thành lập nước đến nay (Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013). Qua năm lần xây dựng, sửa đổi Hiến pháp, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được thể hiện rõ nét, đầy đủ, hoàn thiện cả về chiều rộng và chiều sâu, được bảo đảm bằng các cơ chế, biện pháp thực hiện hiệu quả hơn.

Trên cơ sở Nghị quyết số 25/NQ-TW về công tác tôn giáo, Quốc hội, Chính phủ đã thể chế hóa thành các quy định của pháp luật và các kế hoạch, giải pháp, cơ chế bảo đảm thực hiện, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm cho công dân thực hiện quyền cơ bản về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, như: ban hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Nghị định số

22/2005/NĐ-CP, ngày 01/3/2005 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo; Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành; Chỉ thị số 1940/CT-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về nhà, đất liên quan đến tôn giáo; Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08/11/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo.

Để cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013, đồng thời khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo, sau hơn 10 năm thực hiện, ngày 18/11/2016, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018. Đây là văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời là một trong những văn bản quy phạm pháp luật đầu tiên được ban hành nhằm cụ thể hóa quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 - đó là quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có nhiều điểm mới tiến bộ, thể hiện tính công khai, minh bạch, nhà nước pháp quyền, phù hợp tinh thần Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Việc ban hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo không những khắc phục những hạn chế, bất cập của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo trước đây, mà còn phù hợp với chủ trương cải cách

thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính ở Việt Nam hiện nay, tạo khung pháp lý vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt, phục vụ đắc lực cho yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam, đảm bảo lợi ích của quốc gia, dân tộc.

Với sự nỗ lực của Đảng và Nhà nước, hệ thống pháp luật của Việt Nam về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được hoàn thiện. Những thành tựu đạt được trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước; tạo cơ sở pháp lý quan trọng để mọi người có cơ hội và điều kiện thuận lợi thụ hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Với những quy định đầy đủ, tiến bộ của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, hoạt động tín ngưỡng được bảo tồn và phát huy, các hoạt động tôn giáo được duy trì, phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, tiếp tục góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

1.2. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị vào quá trình bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Việt Nam luôn coi trọng và phát huy vai trò của hệ thống chính trị. Trong đó Nhà nước quản lý hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Nhà nước có trách nhiệm tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; tôn trọng, bảo vệ giá trị

văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân. Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có trách nhiệm: tập hợp đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không theo tín ngưỡng, tôn giáo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phản ánh kịp thời ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ, người theo tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; giám sát hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thông qua các dự án, chương trình hợp tác, hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ban, ngành, cơ quan ngoại giao, tư pháp, công an, báo chí, các tổ chức chính trị - xã hội, v.v... đã tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về quyền

tự do tín ngưỡng, tôn giáo, trực tiếp góp phần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, thực thi pháp luật, các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ và nhân dân.

1.3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn được Nhà nước quan tâm

Việt Nam luôn xác định công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những biện pháp bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo hiệu quả. Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, đưa pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo vào cuộc sống luôn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến cấp cơ sở, đặc biệt là chú trọng đổi mới về nội dung với nhiều hình thức, như: biên soạn, phát hành tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tổ chức hội nghị phổ biến pháp luật cho cán bộ làm công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị và chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ; phối hợp xây dựng phim, phóng sự chuyên đề phát sóng trên Đài truyền hình quốc gia để thông tin tới bạn bè thế giới và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài hiểu về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam luôn nhất quán tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người dân; góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của đồng bào có đạo, củng cố niềm tin trong chức sắc,

tín đồ tôn giáo đối với Nhà nước. Kể từ khi thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo đến nay, Bộ Nội vụ (trực tiếp là Ban Tôn giáo Chính phủ) đã tổ chức 152 hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo cho công chức với 27.078 lượt người tham dự, 144 hội nghị cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành với tổng số 20.215 lượt người tham dự. Trên địa bàn các tỉnh, thành phố đã tổ chức 13.882 hội nghị phổ biến pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với tổng số 982.991 lượt người tham dự.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn được thực hiện bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trên Tạp chí Công tác tôn giáo, Trang thông tin điện tử, qua các xuất bản phẩm của Ban Tôn giáo Chính phủ; các tạp chí, Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; qua các cuộc thi tìm hiểu chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; qua các hội thảo, tọa đàm; gặp gỡ, tiếp xúc chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tổ chức tôn giáo, v.v... để thông tin cho tổ chức, cá nhân, dư luận hiểu đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của Việt Nam.

Qua công tác tuyên truyền, cán bộ, người dân từng bước nắm bắt, hiểu được những quy định pháp luật cụ thể liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như vai trò và trách nhiệm của mình đối với vấn đề thực thi các nghĩa vụ của quốc gia về quyền con người. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ nâng cao nhận thức, chủ động thực hiện pháp luật cho cán

bộ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo, mà còn góp phần làm tốt công tác thông tin đối ngoại về tôn giáo, làm cho cộng đồng quốc tế, kiều bào Việt Nam ở nước ngoài hiểu đúng quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và thành tựu đã đạt được trong đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, góp phần đấu tranh có hiệu quả với các luận điệu vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, đàn áp dân tộc, tôn giáo.

1.4. Việt Nam tích cực đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về bảo vệ và thực thi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, Việt Nam chủ động tham gia ký kết và phê chuẩn hầu hết các công ước quốc tế, nghị định thư, đối thoại quốc tế liên quan đến quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Việt Nam là thành viên Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016, chuẩn bị đảm nhiệm thành viên Hội đồng nhân quyền của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2023 - 2025 và có nhiều đóng góp tích cực vào việc thành lập và hoạt động của Ủy ban Liên chính phủ ASEAN về nhân quyền (AICHR), v.v... Việt Nam nghiêm túc, nỗ lực thực thi trách nhiệm, nghĩa vụ, các cam kết quốc tế trong hiện thực hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền con người trong hệ thống pháp luật, chính sách và hoạt động thực tiễn; xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, chính sách trong nước phù hợp và tuân thủ các quy định của Công ước quốc tế về Quyền con

người mà Việt Nam là thành viên; sẵn sàng đối thoại và kiên quyết đấu tranh bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Việt Nam tích cực tham gia cơ chế đối thoại dân chủ, nhân quyền, tôn giáo với các đối tác Hoa Kỳ, EU, bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia theo cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ III, Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) tại Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, tham gia các diễn đàn đa phương về nhân quyền, tôn giáo trong khuôn khổ Liên Hợp quốc, ASEAN, ASEM, v.v... Cùng với đó, Việt Nam luôn chủ động cung cấp thông tin về thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam tới chính phủ, học giả, báo chí, người dân các nước; đón các đoàn nghị sĩ, quan chức chính phủ các nước vào thăm Việt Nam để tìm hiểu tình hình bảo đảm quyền tự do, tín ngưỡng, tôn giáo; thành lập các đoàn công tác tới Hoa Kỳ và một số nước phương Tây để trực tiếp đối thoại, trao đổi về vấn đề tôn giáo.

Việt Nam cũng mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với các nước ở khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo để trao đổi thông tin, thiết lập cơ chế đối thoại, giúp bạn bè các nước hiểu và ủng hộ Việt Nam trên trường quốc tế. Từ năm 2011 đến nay, đã có gần 70 đoàn đi nghiên cứu, tìm hiểu về tôn giáo tại các nước: đoàn đi nghiên cứu, tìm hiểu về Công giáo, Chính thống giáo tại Mê-hi-cô, Cu Ba, Nga; nghiên cứu thực tế về đạo Tin Lành

tại Hàn Quốc và Hoa Kỳ; tìm hiểu về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp, Ba Lan, Hung-ga-ry, Séc, Đức; nghiên cứu về Hồi giáo và văn hóa Hồi giáo tại Ai Cập, I-ran, I-xra-en, Thổ Nhĩ Kỳ; tìm kiếm cơ hội hợp tác để xuất khẩu sản phẩm Halal của Việt Nam sang các nước Hồi giáo; thiết lập quan hệ trên lĩnh vực tôn giáo với hầu hết các nước ở khu vực ASEAN, v.v... Quan hệ Việt Nam - Va-ti-căng đang có bước tiến triển tích cực. Lãnh đạo Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chuyến viếng thăm Va-ti-căng và hội kiến Giáo Hoàng. Hiện nay, hai bên đã thống nhất phương hướng tăng cường quan hệ, tiến tới nâng cấp quan hệ từ Đặc phái viên không thường trú lên Đặc phái viên thường trú của Va-ti-căng tại Việt Nam. Việc tăng cường đối thoại và hợp tác quốc tế đã góp phần làm sáng tỏ chính sách, thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, tác động tốt tới du luận quốc tế, nâng cao hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

1.5. Công tác tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được Nhà nước Việt Nam quan tâm, thực hiện hiệu quả

Trên cơ sở chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo các cấp đã chủ động hướng dẫn, đưa các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đi vào nề nếp, ổn định, tuân thủ pháp luật; hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức hội nghị, đại hội theo đúng Hiến chương, Điều lệ và quy định của pháp luật; tập trung giải quyết các kiến nghị, nhu cầu

chính đáng của tổ chức, cá nhân tôn giáo, trong đó có vấn đề về đất đai, xây dựng, v.v...; khuyến khích các tổ chức tôn giáo tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo, giúp đỡ đồng bào gặp khó khăn tại vùng sâu, vùng xa; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, vì cộng đồng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc giải quyết nhu cầu chính đáng của các tổ chức, cá nhân tôn giáo mang lại nhiều kết quả rõ nét, tạo được sự đồng thuận trong chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo. Tổ chức giáo hội các cấp của các tôn giáo tích cực hướng dẫn tín đồ sống “tốt đời - đẹp đạo”, chấp hành tốt chính sách, pháp luật Nhà nước, giữ gìn quan hệ đoàn kết toàn dân; quan hệ giữa các tổ chức tôn giáo với chính quyền các cấp được củng cố.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, các cấp chính quyền địa phương thường xuyên tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật; kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nhà nước luôn chú trọng lồng ghép quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo vào quá trình xây dựng, tổ chức, thực hiện các chương trình, chính sách phát triển; chú trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Những thành tựu trong tổ chức thực thi pháp luật bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam được Liên Hợp Quốc và nhiều quốc gia trên thế giới ghi nhận, đánh giá cao; là bằng chứng thuyết phục, không thể

phủ nhận đối với những nỗ lực của Việt Nam trong việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời bác bỏ những thông tin không đầy đủ, chính xác về tình hình tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thiếu thiện chí.

1.6. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm trên thực tế

Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trên thực tế, thể hiện trên các lĩnh vực sau:

Một là, sự đa dạng, hòa hợp và bình đẳng tôn giáo được tôn trọng

Là quốc gia đa tín ngưỡng, tôn giáo nhưng ở Việt Nam không có tôn giáo nào giữ vị trí độc tôn trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Các tôn giáo tồn tại đan xen với nhau, tích cực tham gia xây dựng đất nước và có nhiều đóng góp cho cộng đồng dân tộc.

Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau; không một tổ chức, cá nhân tôn giáo nào hoạt động đúng pháp luật mà bị ngăn cấm. Mọi người hoàn toàn tự do lựa chọn theo hoặc không theo một tín ngưỡng, tôn giáo nào mà không

bị ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở. Người có tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo được tự do bày tỏ đức tin tại gia đình, cơ sở thờ tự hoặc điểm nhóm đăng ký với chính quyền.

Ở Việt Nam, các tôn giáo chung sống hài hòa, đoàn kết, gắn bó đồng hành cùng dân tộc, không có xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo. Chúc sức, chúc việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia các phong trào xã hội, từ thiện xóa đói giảm nghèo, đóng góp thiết thực vào sự phát triển đất nước.

Hai là, các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện hoạt động theo hiến chương, điều lệ và quy định pháp luật

Nhà nước Việt Nam bảo đảm và tạo điều kiện để các sinh hoạt tôn giáo, hoạt động tôn giáo của các tổ chức các tôn giáo được diễn ra bình thường. Những ngày lễ trọng của các tôn giáo như: lễ Phật đản, lễ Vu lan của Phật giáo; lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh của Công giáo và Tin lành; lễ hội Yến Diêu Trì Cung, lễ kỷ niệm ngày khai đạo của đạo Cao Đài; lễ hội Katê của đồng bào Chăm; tháng chay Ramadan của người Hồi giáo, v.v... được tổ chức với quy mô lớn, thu hút đông đảo tín đồ tham dự. Nhiều ngày lễ trọng của tôn giáo đã trở thành ngày lễ chung của cộng đồng.

Việc công nhận tổ chức tôn giáo, cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật. Sau khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã công nhận 01 tổ chức tôn giáo (Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam), cấp

chúng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho 03 tổ chức (Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam; Hội thánh Tin lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam; Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Kỵ-tô Việt Nam).

Việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung trên phạm vi cả nước được tạo điều kiện thuận lợi. Trước khi Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, có hơn 2.600 điểm nhóm được chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, sau khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, có thêm hơn 1.100 điểm nhóm được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.

Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam chủ động trong việc củng cố tổ chức, phong phẩm, bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành theo Hiến chương, Điều lệ và quy định của pháp luật. Hằng năm, số lượng chức sắc, chức việc, nhà tu hành và những người hoạt động tôn giáo chuyên nghiệp không ngừng tăng nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tinh thần của nhân dân. Kể từ khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, cả nước có hơn 6.500 người được phong phẩm, suy cử làm chức sắc; 16.783 người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc.

Nhà nước bảo đảm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo được thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo, mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo. Hiện nay, nhiều tổ chức tôn giáo đã có hệ thống cơ sở đào tạo tôn giáo, số lượng chiêu sinh hằng năm ổn định. Hoạt động giảng dạy tại các cơ sở đào

tạo tôn giáo được thực hiện theo quy định của các tổ chức tôn giáo và pháp luật. Cả nước hiện có 62 cơ sở đào tạo tôn giáo tại 36 tỉnh, thành phố. Riêng Giáo hội Công giáo Việt Nam từ khi Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực thi hành đã có 02 cơ sở đào tạo tôn giáo được thành lập: Đại chủng viện Thánh Tâm Thái Bình (Thái Bình) và Cơ sở II Đại Chủng viện Thánh Giuse Xuân Lộc tại Đà Lạt (Lâm Đồng). Một số cơ sở đào tạo của tôn giáo được phép đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Các loại hình đào tạo linh hoạt, đa dạng hơn, các hình thức đào tạo ngắn hạn được tăng cường, chức sắc tôn giáo được đào tạo cả ở trong nước và ở nước ngoài. Qua đó cho thấy, hàng ngũ chức sắc, chức việc của các tôn giáo ở Việt Nam ngày càng được đào tạo bài bản, trình độ được nâng cao, do đó uy tín, ảnh hưởng đối với quần chúng tín đồ ngày càng lớn, không chỉ trong đời sống tôn giáo mà cả trong đời sống xã hội. Trong 03 năm thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, các tổ chức tôn giáo trực thuộc đã mở 477 lớp bồi dưỡng cho những người chuyên hoạt động tôn giáo và 230 lớp cho những người không chuyên hoạt động tôn giáo. Ban Tôn giáo Chính phủ đã soạn thảo, xuất bản 02 tập bài giảng môn học Lịch sử Việt Nam và Pháp luật Việt Nam và chuyển giao cho các cơ sở đào tạo tôn giáo để giảng dạy.

Các tổ chức tôn giáo được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện hoạt động xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tín ngưỡng, tôn giáo; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm tín ngưỡng, tôn

giáo, đồ dùng tôn giáo bảo đảm phục vụ yêu cầu hoạt động của các tôn giáo. Theo thống kê, từ năm 2018 đến năm 2021, Nhà xuất bản Tôn giáo đã có quyết định xuất bản 2.027 ấn phẩm với 7.006.240 bản in, trong đó có nhiều xuất bản phẩm được dịch ra tiếng Anh, Pháp, tiếng dân tộc. Ở Việt Nam hiện có 15 tờ báo và tạp chí của các tổ chức tôn giáo đang hoạt động: Nghiên cứu Phật học, Giác ngộ (Phật giáo); Công giáo và Dân tộc (Công giáo); Bản tin Mục vụ (Hội thánh Tin lành Việt Nam (miền Nam), v.v.... Phần lớn các tổ chức tôn giáo đều có Website riêng để phục vụ việc sinh hoạt đạo, truyền bá tôn giáo của mình.

Chức sắc, chức việc, nhà tu hành tôn giáo có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, được ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp như mọi công dân khác theo quy định của pháp luật. Quốc hội khóa XV có 05 đại biểu là chức sắc, nhà tu hành tôn giáo: 04 đại biểu Phật giáo, 01 đại biểu Công giáo. Theo số liệu thống kê của các tỉnh, thành phố, hiện có trên 10 nghìn chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

Ba là, các tổ chức, cá nhân tôn giáo được tạo điều kiện tham gia hoạt động quan hệ quốc tế

Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo thực hiện hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế. Kể từ năm 2011 đến nay, đã có khoảng gần 2.000 lượt cá nhân tôn giáo xuất cảnh tham gia khóa đào tạo ở nước ngoài, tham dự hội

ngại, hội thảo quốc tế liên quan đến tôn giáo, v.v...; gần 500 đoàn khách nước ngoài với hơn 3.000 lượt người vào Việt Nam để trao đổi, giao lưu, hướng dẫn đạo tại cơ sở tôn giáo ở Việt Nam, tham dự các sự kiện tôn giáo do các tổ chức tôn giáo Việt Nam tổ chức, v.v...

Ngoài hoạt động quốc tế mang tính tổ chức hoặc giao lưu với các tổ chức tôn giáo quốc tế, các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam còn tích cực tham gia các hội nghị, diễn đàn tôn giáo khu vực và quốc tế, như: 5 lần tham dự Đối thoại liên tín ngưỡng Á - Âu (ASEM), 6 lần tham dự Đối thoại liên tín ngưỡng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, v.v... Nhiều hoạt động tôn giáo quốc tế lớn được tổ chức trọng thể, thành công ở Việt Nam và được dư luận quốc tế đánh giá cao, như: Hội nghị Liên hội đồng Giám mục Á Châu (năm 2012) với sự tham dự của 122 đại biểu gồm hồng y, tổng giám mục, giám mục và đại biểu thuộc Hội đồng Giám mục các nước châu Á, một số châu lục, đại diện Tòa thánh Va-ti-căng; Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc VESAK (năm 2019) với sự tham dự của 3.000 đại biểu, trong đó có 1.650 đại biểu khách quốc tế đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, 250 kiều bào là tăng ni từ 40 quốc gia, trên dưới 20 nghìn lượt tăng ni, phật tử tham dự các hoạt động bên lề của Đại lễ; Tổng hội Dòng Đa minh thế giới được tổ chức tại Xuân Lộc, Đồng Nai (năm 2019) với sự tham dự của 142 đại biểu gồm bề trên tổng quyền, bề trên giám tỉnh và đại diện của các tỉnh dòng trên thế giới, đây là lần đầu tiên một dòng tu quốc tế lớn tổ chức Tổng tu hội tại

Việt Nam, v.v...Việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tổ chức thành công các sự kiện tôn giáo quốc tế không những khẳng định chủ trương, chính sách, pháp luật đúng đắn của Việt Nam mà còn góp phần quảng bá hình ảnh một Việt Nam đủ điều kiện đăng cai các sự kiện tôn giáo quốc tế, là điểm đến hấp dẫn trong cả đầu tư và du lịch tâm linh.

Bốn là, quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người bị quản lý, giam giữ được quan tâm

Tại trại tạm giam, nhà giam giữ, các đơn vị chức năng luôn tạo điều kiện để người bị quản lý, giam giữ sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật; tổ chức tuyên truyền, giáo dục để phạm nhân, người bị tạm giam, tạm giữ hiểu các quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tạo điều kiện thuận lợi cho phạm nhân, người bị tạm giam, tạm giữ sử dụng, nghiên cứu kinh sách, các loại sách, báo, ấn phẩm về tín ngưỡng, tôn giáo tại thư viện; cho phép phạm nhân, người bị tạm giam, tạm giữ thực hiện một số nghi thức tôn giáo nhưng không được ảnh hưởng đến người khác (như: thực hiện nghi lễ “làm dấu” trước bữa ăn, cầu nguyện vào buổi tối hoặc buổi sáng, v.v...).

Hiện nay đã có 17 đầu sách liên quan đến tôn giáo với số lượng 4.418 cuốn được đưa vào sử dụng tại thư viện của 54 trại giam. Việc đưa kinh sách vào trại giam đã góp phần thực thi pháp luật về quyền tín ngưỡng, tôn giáo, quyền

được tiếp cận kinh sách, ấn phẩm tôn giáo của mọi người, thể hiện chính sách nhất quán của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, những nỗ lực của Việt Nam trong thực thi các công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị, quyền con người.

Năm là, các tổ chức, cá nhân tôn giáo được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia các hoạt động an sinh xã hội

Những năm qua, các tổ chức tôn giáo đã tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, đóng góp sức người, sức của cho công cuộc xây dựng quê hương đất nước. Các tổ chức tôn giáo tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, đào tạo, y tế, bảo trợ xã hội, từ thiện, nhân đạo:

Về giáo dục: các cơ sở giáo dục do các tổ chức, cá nhân tôn giáo thành lập chủ yếu tham gia giáo dục mầm non và dạy nghề. Hiện nay, cả nước có khoảng 300 trường mầm non, 2.000 lớp học tình thương, 12 cơ sở dạy nghề. Việc cho phép các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia vào lĩnh vực giáo dục đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho xã hội.

Về y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: hiện cả nước có khoảng trên 500 cơ sở khám chữa bệnh từ thiện của các tổ chức tôn giáo, thành lập dưới nhiều hình thức khác nhau, như: Tuệ Tĩnh Đường, trạm xá, phòng thuốc nam phước thiện, phòng khám đa khoa, phòng khám đông y

và tây y, v.v... Mỗi năm khám và chữa bệnh cho hàng vạn lượt bệnh nhân với tổng kinh phí hàng trăm tỷ đồng, góp phần chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là cho những người có hoàn cảnh khó khăn, giảm gánh nặng cho Nhà nước.

Về công tác bảo trợ xã hội, từ thiện nhân đạo: đến thời điểm năm 2021, cả nước có gần 800 cơ sở bảo trợ xã hội của các tổ chức Phật giáo, Công giáo, Cao đài, v.v... đang nuôi dưỡng trên 12.000 trẻ em mồ côi, tàn tật, người già cô đơn, bệnh nhân tâm thần, HIV/AIDS; góp phần đáng kể vào công tác đảm bảo an sinh xã hội ở các địa phương.

Các tổ chức tôn giáo tích cực đóng góp nguồn lực, chung tay cùng với chính quyền các cấp trong công tác phòng chống dịch Covid 19: nhiều tình nguyện viên là chức sắc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo tham gia tuyến đầu phòng chống dịch Covid 19; nhiều cơ sở tôn giáo được sử dụng làm khu cách ly và điều trị bệnh nhân bị nhiễm Covid 19; các tổ chức tôn giáo đã động viên chức sắc, chức việc, tín đồ đóng góp, ủng hộ hàng chục tỷ đồng cho Quỹ Vắc xin phòng chống Covid ở trung ương và địa phương, ủng hộ tiền mặt và các trang thiết bị thiết yếu cho các vùng dịch.

Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã 03 lần gặp mặt biểu dương các tổ chức tôn giáo có đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (năm 2016, 2019, 2022). Tại các buổi gặp mặt, các tôn giáo bày tỏ sự nhất trí đồng thuận với Đảng, Nhà nước và mong muốn được đóng góp công

sức trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững độc lập, chủ quyền lãnh thổ. Có tôn giáo phát biểu “bàn thờ tôn giáo có nhiều, nhưng bàn thờ Tổ quốc chỉ có một” khẳng định sự đoàn kết, đồng lòng của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc.

Sáu là, vấn đề đất đai liên quan đến tôn giáo được quan tâm giải quyết

Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức tôn giáo, quỹ đất của địa phương và theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương luôn tạo điều kiện cấp đất cho các cơ sở, tổ chức tôn giáo. Theo quy định hiện hành của Luật đất đai, đất sử dụng vào mục đích tôn giáo do Nhà nước giao không phải nộp thuế sử dụng đất. Tính đến nay, chính quyền địa phương đã cấp hàng trăm héc ta đất cho các tổ chức tôn giáo sử dụng vào mục đích tôn giáo, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của nhân dân.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho các cơ sở tôn giáo trong những năm gần đây đã được chính quyền các tỉnh, thành phố quan tâm thực hiện, đạt kết quả tích cực. Tính đến nay, số lượng cơ sở tôn giáo được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc chiếm khoảng hơn 70%.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo sửa chữa, cải tạo và xây dựng mới cơ sở tôn giáo. Đến thời điểm hiện nay hầu hết các cơ sở thờ tự của các tôn

giáo được sửa chữa khang trang, nhiều cơ sở thờ tự được xây mới. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, năm 2021 có 225 cơ sở thờ tự được xây mới. Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật liên quan.

Bảy là, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho đồng bào dân tộc thiểu số

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó có 53 dân tộc thiểu số, với gần 14 triệu người, chiếm khoảng 14,3% dân số cả nước. Đồng bào các dân tộc thiểu số là một bộ phận không thể tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Theo thống kê của Ban Tôn giáo Chính phủ, hiện nay có khoảng 2,8 triệu người dân tộc thiểu số theo tôn giáo (chiếm khoảng 20% dân số là người dân tộc thiểu số). Những năm qua, chính quyền địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi luôn quan tâm và thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào các dân tộc thiểu số; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào tôn giáo được chăm lo; nhu cầu chính đáng về tín ngưỡng, tôn giáo được các cấp chính quyền quan tâm hướng dẫn, giải quyết; sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội của đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm phục hồi, phát huy mạnh mẽ; Cộng đồng dân tộc Chăm theo Hồi giáo và đạo

Bà-la-môn được thành lập Ban đại diện cộng đồng để hỗ trợ sinh hoạt tôn giáo; Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer để đáp ứng nhu cầu đào tạo tu sĩ Phật giáo Nam tông Khmer; kinh sách của các tổ chức tôn giáo đã được xuất bản bằng 13 thứ tiếng dân tộc; hàng ngàn điểm nhóm và chi hội Tin lành của người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, miền núi phía Bắc được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung; tín đồ tôn giáo là người dân tộc thiểu số được tham gia hoạt động quốc tế, v.v... Tính đến hết tháng 12/2021, cả nước có trên 3.300 điểm nhóm Tin lành được cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, trong đó các tỉnh miền núi phía Bắc có 1.647 điểm nhóm, các tỉnh Tây Nguyên và Bình Phước có 1.744 điểm nhóm.

Tám là, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được tạo điều kiện sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, số lượng người nước ngoài làm việc tại Việt Nam ngày càng tăng (hiện nay khoảng trên 100 nghìn người), trong đó có một bộ phận là tín đồ tôn giáo. Xuất phát từ nhu cầu thực tế, chính quyền các địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện cho người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam. Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam được sinh hoạt tôn giáo cùng với tín đồ Việt Nam hoặc tập trung thành nhóm tại địa điểm hợp pháp để sinh hoạt

tôn giáo. Hiện nay có 67 điểm nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đang diễn ra chủ yếu trên các địa bàn: Thành phố Hồ Chí Minh (41 điểm nhóm), thành phố Hà Nội (13 điểm nhóm), các địa phương có nhiều khu công nghiệp (Hải Dương: 1 điểm nhóm, Đà Nẵng: 2 điểm nhóm, Bình Dương: 3 điểm nhóm, Đồng Nai: 1 điểm nhóm, v.v...).

Nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung được mời chúc sắc, nhà tu hành là người nước ngoài vào Việt Nam giảng đạo. Kể từ khi thực hiện Luật Tín ngưỡng, tôn giáo đến nay, đã có hơn 125 lượt chúc sắc người nước ngoài vào Việt Nam hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo cho các nhóm tín đồ người nước ngoài tại địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Đây là minh chứng về sự tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

Chính là, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được quan tâm, hỗ trợ trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo

Hiện nay, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có khoảng 5,3 triệu người (80% cộng đồng người Việt ở nước ngoài có tín ngưỡng, tôn giáo) đang sinh sống, lao động, học tập tại 130 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo số liệu thống kê sơ bộ của các tổ chức tôn giáo Việt Nam và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, hiện nay có khoảng 500 tăng ni, hơn 1,0 triệu phật tử người Việt sinh hoạt tôn giáo tại trên 400 ngôi chùa Việt Nam ở 33 quốc

gia và vùng lãnh thổ; khoảng gần 1,0 triệu tín đồ Công giáo là người Việt Nam lập thành 300 cộng đoàn ở 39 quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương; 685 người Việt Nam là mục sư, truyền đạo của đạo Tin lành, 530 cơ sở Hội thánh, điểm nhóm của người Việt Nam ở nước ngoài; khoảng 32.000 người Việt Nam là tín đồ đạo Cao Đài sinh hoạt tại 59 cơ sở thờ tự ở nước ngoài (tập trung chủ yếu ở Mỹ), v.v...

Thực hiện nhất quán chủ trương người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam, chính sách đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người (trong đó có người Việt Nam ở nước ngoài), Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến công tác hỗ trợ sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và tạo điều kiện cho kiều bào tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở trong nước. Hằng năm, các cơ quan chức năng Việt Nam đã thành lập nhiều đoàn đi châu Âu, châu Á để gặp gỡ cộng đồng người Việt tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của bà con, trao đổi với chính quyền sở tại đề nghị giúp đỡ cộng đồng người Việt trong sinh hoạt tôn giáo, tâm linh; tổ chức gặp mặt các chức sắc, tín đồ là kiều bào về Việt Nam đón Tết cổ truyền, tham dự các sự kiện tôn giáo nhằm động viên, tạo sự phấn khởi, gắn bó với quê hương, đất nước (gặp mặt chức sắc, tín đồ là người Việt Nam ở nước ngoài về nước tham dự: Đại lễ Phật đản Liên Hợp quốc VESAK năm 2008, 2014, 2019; Đại hội toàn quốc

Giáo hội Phật giáo Việt Nam; các lễ hội của đạo Cao Đài, Công giáo, Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam, v.v...).

Các tổ chức tôn giáo Việt Nam được Nhà nước tạo điều kiện thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ, hướng dẫn sinh hoạt tôn giáo cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập nhiều đoàn thăm viếng, tổ chức các buổi thuyết giảng cho Phật tử tại một số nước châu Âu, châu Á vào các ngày lễ trọng (Phật đản, Vu lan, v.v...); thành lập 22 Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài; chọn cử các vị sư có đủ năng lực, điều kiện hướng dẫn tín đồ sinh hoạt tôn giáo tại các chùa Việt Nam ở nước ngoài, v.v... Giáo hội Công giáo Việt Nam, các tổ chức Tin lành cử chức sắc tham gia hoạt động tôn giáo, tham dự hội nghị, hội thảo, sinh hoạt tôn giáo cùng với tín đồ Việt Nam ở nước ngoài. Hội thánh Cao Đài Tây Ninh công nhận 07 họ đạo trực thuộc ở nước ngoài; hằng năm, nhiều chức sắc, chức việc, tín đồ đạo Cao Đài ở nước ngoài về nước tham dự Đại lễ Vía Đức Chí Tôn, Hội Yến Diêu Trì Cung, v.v... Hội thánh Minh lý đạo thành lập 02 tổ chức tôn giáo trực thuộc tại Hoa Kỳ. Ban Trị sự Trung ương Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam hướng dẫn nhóm tín đồ ở nước ngoài tu học, giảng giải kinh sách, giáo lý, giáo luật, tham gia các hoạt động từ thiện nhân đạo, v.v...

2. Thách thức trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam

Công cuộc đổi mới trong hơn 35 năm qua đã làm chuyển biến sâu sắc mọi mặt của đời sống chính trị, kinh

tế, văn hóa và xã hội ở Việt Nam, tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng ngày càng đầy đủ hơn các quyền con người, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Những thành tựu trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong thời gian qua thể hiện những nỗ lực không ngừng của Nhà nước Việt Nam trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với việc coi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một trong những quyền cơ bản của con người. Những nỗ lực này đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Tuy nhiên, hiện nay, Việt Nam vẫn còn phải đương đầu với không ít khó khăn, thách thức trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Thứ nhất, Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp. Hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam mặc dù đang từng bước được hoàn thiện nhưng vẫn chưa đồng bộ, một số lĩnh vực chưa theo kịp với sự thay đổi của cuộc sống, chưa được sửa đổi, bổ sung dẫn đến khó khăn trong quá trình vận dụng và thực thi pháp luật, nhất là ở cơ sở. Mặt khác, điều kiện địa lý và phong tục, tập quán của Việt Nam khá đa dạng và phức tạp, dân cư sống phân tán trên các vùng miền với ngôn ngữ, trình độ và điều kiện sinh hoạt rất khác nhau. Điều này gây khó khăn trong việc xây dựng và triển khai các chính sách cụ thể nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân trên thực tế.

Thứ hai, trình độ và nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo về quyền con người nói chung, về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng còn hạn chế; việc triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của một số địa phương chưa đồng bộ. Do vậy, có nơi có lúc còn để xảy ra các vụ việc vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, làm hạn chế và ảnh hưởng đến việc thụ hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân. Việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo chưa tốt, dẫn đến tình trạng có những vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo chưa được phát hiện và xử lý kịp thời. Chính những điều này đã tạo cơ cho các thế lực xấu lợi dụng xuyên tạc, vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo, gây mất ổn định chính trị xã hội.

Thứ ba, sự du nhập các tôn giáo ngoại sinh và các giá trị văn hóa nước ngoài trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập góp phần làm giàu thêm truyền thống văn hóa, tôn giáo Việt Nam. Đồng thời, cũng đòi hỏi phải giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trước sự xâm lấn của các giá trị văn hóa ngoại lai không phù hợp. Sự gia tăng hoạt động truyền bá tôn giáo nhờ vào sự phát triển của công nghệ khoa học và sự kết nối, giao lưu giữa các quốc gia, dân tộc tạo nên môi trường tôn giáo đa dạng ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự đa dạng về tôn giáo cũng tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là nguy cơ xung đột giữa

các tôn giáo nếu không có cách ứng xử khéo léo. Sự xuất hiện của các hiện tượng tôn giáo mới ngày càng nhiều trong đó có những hội nhóm tôn giáo hoạt động trái pháp luật, thậm chí có những hoạt động tôn giáo cực đoan trái với thuần phong mỹ tục, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội Việt Nam.

Thứ tư, bên cạnh những yếu tố tích cực, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Các tôn giáo Việt Nam về cơ bản hoạt động ổn định, tuân thủ pháp luật nhưng tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, như: mâu thuẫn nội bộ trong một số tổ chức tôn giáo, hoạt động lệch chuẩn, mê tín dị đoan, trục lợi, v.v... Một bộ phận chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo còn hiểu chưa đúng, đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; chưa nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của tín đồ tôn giáo cũng như của công dân, dẫn đến có hành động vi phạm quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại Việt Nam đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết, như: địa điểm sinh hoạt tôn giáo, kinh sách, người hướng dẫn. Mặc dù các tổ chức tôn giáo đã có nhiều hoạt động an sinh xã hội vì cộng đồng và có những đóng góp không nhỏ cho xã hội nhưng các hoạt động trên vẫn còn mang tính chất tự phát, thiếu những quy định cụ thể của nhà nước, nhất là khi xác định tôn giáo là nguồn lực xã hội.

Thứ năm, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, hoạt động tôn giáo trên không gian mạng càng trở nên phong phú, đa dạng. Với lượng thông tin truyền tải lớn, sức lan tỏa nhanh, cách thức đa dạng, phong phú; không bị hạn chế về phạm vi không gian, thời gian cũng như số lượng người tham gia, v.v... nên việc khai thác, sử dụng mạng xã hội để “sinh hoạt tôn giáo” được các cá nhân, tổ chức tôn giáo quan tâm. Đặc biệt trong đại dịch Covid-19 vừa qua, để đảm bảo quy định phòng, chống dịch, nhiều tổ chức tôn giáo đã chuyển hình thức sinh hoạt tôn giáo, tổ chức các hoạt động tôn giáo trực tiếp sang hình thức trực tuyến, thông qua các trang website, trang truyền thông của Giáo hội và cầu nguyện online tại gia đình, đã phần nào đáp ứng được nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của tín đồ và nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay, trên không gian mạng đã và đang xuất hiện nhiều hoạt động mượn danh hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để xuyên tạc giáo lý của các tôn giáo chính thống, truyền bá những nội dung xấu đi ngược với thuần phong, mỹ tục của dân tộc Việt Nam; lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng để trục lợi, v.v... Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên không gian mạng hiện nay còn tiềm ẩn nguy cơ bị các đối tượng xấu lợi dụng gây ra sự chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và phát sinh những vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự. Đây là yếu tố mới phát sinh gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhưng chưa có quy định trực tiếp điều chỉnh và biện pháp quản lý phù hợp.

Thứ sáu, các thể lực thiếu thiện chí cố tình xuyên tạc tình hình nhân quyền, tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Bất chấp những nỗ lực của Nhà nước Việt Nam trong việc tôn trọng, bảo đảm và thúc đẩy quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người dân, một số tổ chức, cá nhân vẫn đưa ra những thông tin sai lệch về tình hình tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam, vu cáo Nhà nước Việt Nam “đàn áp tôn giáo”, “vi phạm quyền con người trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo”; chính trị hóa hoạt động tôn giáo, xem tôn giáo là cách thức để tập hợp tín đồ chống phá đất nước; đưa ra yêu cầu phi lý là phải đặt tôn giáo đứng độc lập, ngoài sự quản lý của Nhà nước và pháp luật, nhằm bôi nhọ hình ảnh của Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế, tác động xấu đến dư luận trong nước và tác động tiêu cực đến quan hệ hợp tác quốc tế của Việt Nam, điều này cũng gián tiếp gây khó khăn cho Việt Nam trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Một số ưu tiên nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, chính sách, pháp luật của Việt Nam về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo tương đối hoàn thiện, tiệm cận với pháp luật quốc tế về quyền con người. Tuy nhiên, bối cảnh thế giới đang có sự biến đổi nhanh chóng và sâu sắc trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có tôn giáo, đặt ra những thách thức đòi hỏi phải có những giải pháp hợp lý, đồng bộ để đảm bảo cho mọi người được thụ hưởng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng tốt

hơn trên thực tế. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả bảo đảm và hiện thực hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế ở Việt Nam hiện nay, Nhà nước ưu tiên thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo

Chủ động rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; sửa đổi, bổ sung một số quy định trong các luật chuyên ngành liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo (theo chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội Việt Nam) nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tạo cơ sở pháp lý để tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo có thể mạnh, tiềm năng tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp nguồn lực cho xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ hai, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức, pháp luật và việc thực hiện về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để nâng cao năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật, nâng cao nhận thức của chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ và quần chúng nhân dân nhằm bảo đảm tốt hơn

quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người. Đa dạng các hình thức tuyên truyền, giáo dục về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, bao gồm: thông qua giáo dục chính thức (nhà trường), sử dụng các loại hình thông tin đại chúng (sách, báo, phát thanh, truyền hình, mạng xã hội, v.v...), tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, thuyết giảng, tọa đàm, hội thảo, hội nghị, v.v... Đồng thời, tăng cường các ấn phẩm tuyên truyền về thành tựu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; tăng cường hội thảo, hội nghị quốc tế nhằm tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo cho chính giới và các nhà khoa học quốc tế. Việc hiểu biết một cách đúng đắn về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng như các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là điều kiện tiên quyết, không thể thiếu để bảo vệ và thúc đẩy quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo một cách hiệu quả.

Thứ ba, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên thực tế

Quan tâm hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo hiến chương, điều lệ, pháp luật của Nhà nước; chủ động giải quyết các nhu cầu hoạt động tôn giáo chính đáng của quần chúng tín đồ; kịp thời nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của các tổ chức tôn giáo, quần chúng tôn giáo và có phương hướng giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh; chủ động phòng ngừa, kiên

quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Xem xét cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận tổ chức tôn giáo cho các tổ chức đủ điều kiện. Hướng dẫn các tổ chức tôn giáo tổ chức tốt các hội nghị thường niên, đại hội nhiệm kỳ. Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, trong đó có quần chúng tôn giáo. Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

Thứ tư, tiếp tục chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; nâng cao hiệu quả đối thoại trên lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo

Chủ động trao đổi và tìm hiểu kinh nghiệm giữa các quốc gia trong lĩnh vực bảo đảm quyền con người, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Đẩy mạnh công tác đối ngoại về tôn giáo, chủ động tham gia các diễn đàn về tôn giáo quốc tế và khu vực, chủ động thông tin về tình hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam để cộng đồng quốc tế hiểu và ủng hộ Việt Nam trên trường quốc tế; tăng cường tuyên truyền, nhận diện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thiếu thiện chí lợi dụng dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo để can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam; tăng cường trao đổi đoàn, ký kết thỏa thuận hợp tác trên lĩnh vực tôn

giáo với các nước ở khu vực và trên thế giới; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân, tổ chức các sự kiện quốc tế tôn giáo tại Việt Nam, đóng góp vào công tác đối ngoại của Nhà nước; tiếp tục hỗ trợ cho các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện để kiều bào được tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo trong nước; định hướng các hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật, phù hợp với giá trị đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; phát huy đóng góp tích cực của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tôn giáo hoặc liên quan đến tôn giáo trong việc góp phần hoặc hỗ trợ Việt Nam chuyển tải các thông tin, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra cộng đồng quốc tế, góp phần nâng cao sự hiểu biết của chính giới, công chúng và đối tác các nước về Việt Nam, củng cố tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo để huy động, phát huy nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng và phát triển đất nước

Nhằm huy động, phát huy có hiệu quả hơn nữa nguồn lực của tôn giáo trong xây dựng và phát triển đất nước, nhất là trong các lĩnh vực mà các tôn giáo có thế mạnh như y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội, dạy nghề, từ thiện nhân đạo, v.v... cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp

luật có liên quan. Cơ chế, chính sách, pháp luật phù hợp và đồng bộ sẽ thu hút các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia vào nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, phát huy tối đa mọi tiềm lực, giá trị, thế mạnh của mình tích cực đóng góp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Thứ sáu, tăng cường tiếp xúc, đối thoại với các tổ chức, cá nhân tôn giáo tạo sự đồng thuận trong xã hội

Tăng cường tổ chức các diễn đàn trao đổi, đối thoại và các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với các tổ chức tôn giáo và lãnh đạo các tổ chức tôn giáo để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị, đề xuất chính đáng của chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo; tạo sự gần gũi, chân thành, tin tưởng của chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo. Đồng thời quan tâm xem xét, giải quyết các nhu cầu, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất của các tổ chức, cá nhân tôn giáo phù hợp với chính sách, pháp luật góp phần tạo sự đồng thuận trong thực hiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thay lời kết

Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo và nhiều người theo tín ngưỡng, tôn giáo. Cùng với quá trình đổi mới đất nước, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực: sự trở lại của niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo, sự gia tăng số lượng chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo; nhiều hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo diễn ra với quy mô lớn đã thu hút đông đảo tín đồ và người dân tham dự; các tổ chức tôn giáo được công nhận thực hiện đường hướng hành đạo phù hợp với văn hóa truyền thống, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, v.v... Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo đã và đang đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo của đông đảo quần chúng nhân dân.

Những chuyển biến trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo đã làm sáng tỏ chủ trương, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, làm cho chức sắc, đồng bào có đạo thêm tin tưởng vào Đảng và Nhà nước cùng sự đổi mới của đất nước. Chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo ngày càng ủng hộ và tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới, góp phần vào sự phát triển của đất nước.

Kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới, Nhà nước Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong bảo đảm, thúc đẩy quyền con người nói chung, trong đó quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo có những bước tiến nổi bật. Bên cạnh những thành tựu đạt được, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức trong việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nhận thức được điều đó, Nhà nước Việt Nam không ngừng nghiên cứu, bổ sung và từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người.

Trên nền tảng những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua được nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế ghi nhận, trên tinh thần đối thoại cởi mở, hợp tác song phương và đa phương hiệu quả với các nước, các tổ chức quốc tế trên lĩnh vực nhân quyền, tôn giáo, Nhà nước Việt Nam đã, đang và sẽ quyết tâm thực hiện mục tiêu ngày càng bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy tốt hơn các quyền cơ bản của người dân, trong đó có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trên cơ sở một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ TÔN GIÁO, ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM



Thủ tướng Chính phủ gặp mặt tổ chức tôn giáo đóng góp vào công
cuộc xây dựng và phát triển đất nước tháng 8-2022.

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình thăm Tòa thánh Vatican (tháng 10/2018).

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Đại Lễ Phật đản Liên Hợp quốc VESAK năm 2019.

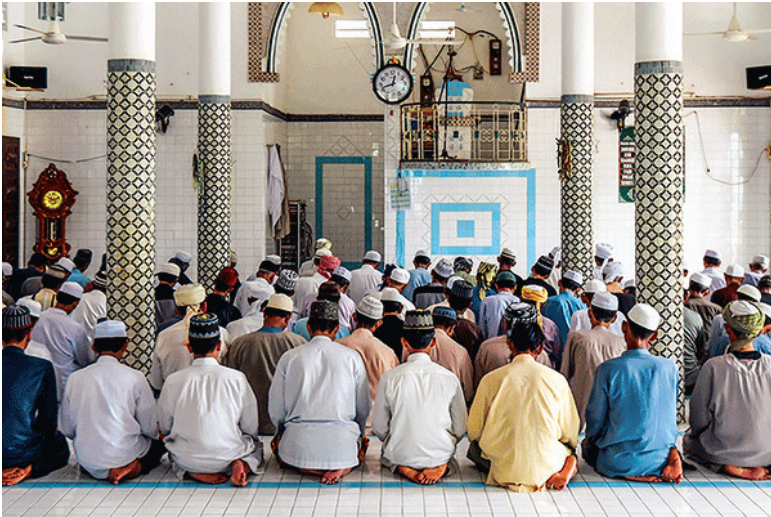
Nguồn: Giáo hội Phật giáo Việt Nam



Lễ Kỷ niệm 500 năm cải chính Tin Lành.
Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Đại Lễ Đức Chí Tôn ở Tòa Thánh Cao Đài Tây Ninh.
Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Cầu nguyện trong tháng Ramadan.
Nguồn: Báo điện tử Cần Thơ



Đại hội Đại biểu tín đồ Phật giáo Hòa Hảo lần thứ V,
nhiệm kỳ 2019-2024.
Nguồn: Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo



Hoạt động tôn giáo tại Hội thánh Cơ đốc phục lâm R'Chai, người dân tộc Chil, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.
Nguồn: Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam



Lễ hội Kate của người Chăm theo Bà - la - môn giáo ở tỉnh Bình Thuận.
Nguồn: Báo Dân tộc và Miền núi



Đại hội đại biểu Minh Sư đạo lần thứ III nhiệm kỳ 2018-2023.
Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Các thành viên Ban Đại diện Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa ra mắt Đại hội nhiệm kỳ III (2020-2025).
Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Phòng thuốc nam phước thiện tại Tổ đình Hưng Minh Tự,
45 Lý Chiêu Hoàng, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Đại hội đại biểu Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ



Tín đồ Giáo hội Các tín hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam tham dự Lễ Tiệc thánh.

Nguồn: Giáo hội Các tín hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam



Lễ ký kết và triển khai chương trình phối hợp phát huy vai trò các tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2026.

Nguồn: Ban Tôn giáo Chính phủ

PHỤ LỤC 2

SỐ LIỆU TÔN GIÁO

STT	Tôn giáo	Năm 2008	Năm 2021
1	Phật giáo		
	Tín đồ	10 triệu	> 14 triệu
	Cơ sở thờ tự	16.984	18.544
2	Công giáo		
	Tín đồ	6.150.000	> 7 triệu
	Cơ sở thờ tự	> 7.000	7.771
3	Đạo Tin Lành		
	Tín đồ	> 880.000	> 1,2 triệu
	Cơ sở thờ tự	340	Gần 900
4	Đạo Cao Đài		
	Tín đồ	> 1 triệu	> 1,2 triệu
	Cơ sở thờ tự	1.290	> 1.300

STT	Tôn giáo	Năm 2008	Năm 2021
5	Phật giáo Hòa Hảo		
	Tín đồ	1.250.981	> 1,5 triệu
	Cơ sở thờ tự	39	50
6	Hồi giáo		
	Tín đồ	72.732	> 80.000
	Cơ sở thờ tự	79	89
7	Tôn giáo Baha'i		
	Tín đồ	7.000	> 7.000
	Cơ sở tôn giáo		02
8	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam		
	Tín đồ	> 500.000	> 600.000
	Cơ sở thờ tự	206	212
9	Cơ đốc Phục lâm		
	Tín đồ	16.927	> 18.000
	Cơ sở thờ tự	14	18

STT	Tôn giáo	Năm 2008	Năm 2021
10	Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa		
	Tín đồ	70.899	> 78.000
	Cơ sở thờ tự	> 70	74
11	Minh Sư đạo		
	Tín đồ		> 5.000
	Cơ sở thờ tự		52
12	Minh Lý đạo - Tam Tông miếu		
	Tín đồ		> 650
	Cơ sở thờ tự		4
13	Bà-la-môn giáo		
	Tín đồ		> 66.000
	Cơ sở thờ tự		42
14	Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê - su Ky-tô		
	Tín đồ		> 2.300

STT	Tôn giáo	Năm 2008	Năm 2021
15	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương		
	Tín đồ	> 10.000	> 10.000
	Cơ sở thờ tự	8	8
16	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn		
	Tín đồ		> 6.500
	Cơ sở thờ tự		8

* Năm 2008: Ban Tôn giáo Chính phủ công bố Sách trắng “Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam” (Tái bản và bổ sung lần I).

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC

**Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp
chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo**

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
1	Phật giáo	Giáo hội Phật giáo Việt Nam	
2	Công giáo	Giáo hội Công giáo Việt Nam	

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
3	Đạo Tin Lành	Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc)	Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam
		Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam)	Hội thánh Tin Lành Liên hiệp Truyền giáo Việt Nam
		Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam	
		Tổng hội Báp - tit Việt Nam (tên gọi cũ là Tổng hội Báp - tit Việt Nam Ân điển - Nam phương)	
		Giáo hội Báp - tit Việt Nam (tên gọi cũ là Hội thánh Báp - tit Việt Nam - Nam phương)	
		Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam	
		Hội thánh Men-nô-nai Việt Nam	
		Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam	
		Giáo hội Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam	

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
4	Đạo Cao đài	Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên	Pháp môn Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi
		Hội thánh Cao Đài Minh Chơn đạo	
		Hội thánh Cao Đài Chiếu Minh Long Châu	
		Hội thánh Truyền giáo Cao Đài	
		Hội thánh Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh	
		Hội thánh Cao Đài Ban Chính đạo	
		Hội thánh Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý	
		Hội thánh Cao Đài Chơn Lý	
		Hội thánh Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan	
		Giáo hội Cao Đài Việt Nam (Bình Đức)	

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
5	Phật giáo Hòa Hảo	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo	
6	Hồi giáo	Ban Đại diện Cộng đồng Hồi giáo (Islam) TP. Hồ Chí Minh	
		Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh An Giang	
		Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Tây Ninh	
		Cộng đồng Hồi giáo (Islam) tỉnh Ninh Thuận	
		Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bà-ni tỉnh Ninh Thuận	
		Hội đồng Sư cả Hồi giáo Bà-ni tỉnh Bình Thuận	
7	Tôn giáo Baha'i	Cộng đồng Tôn giáo Baha'i Việt Nam	
8	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam	Giáo hội Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam	

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
9	Cơ đốc Phục lâm	Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam	
10	Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa	Phật hội Tứ Ân Hiếu Nghĩa	
11	Minh sư đạo	Giáo hội Phật đường Nam Tông Minh Sư đạo	
12	Minh lý đạo - Tam Tông miếu	Hội thánh Minh lý đạo - Tam Tông miếu	
13	Bà-la-môn giáo	Hội đồng chức sắc Chăm Bà-la-môn tỉnh Ninh Thuận	
		Hội đồng chức sắc Bà-la-môn giáo tỉnh Bình Thuận	
14	Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô		Giáo hội Các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Ky-tô Việt Nam

STT	TÔN GIÁO	TỔ CHỨC TÔN GIÁO	TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO
15	Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương		
16	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn		Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn
	16 tôn giáo	36 tổ chức tôn giáo	04 tổ chức và 01 pháp môn được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo

Ghi chú:

- Tổ chức tôn giáo: 36 tổ chức
- Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo: 04 tổ chức và 01 pháp môn.
- 01 tôn giáo (Bửu Sơn Kỳ Hương): Một số chùa tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, công nhận Ban Trị sự, Ban Quản trị chùa.
- Thánh đường Hồi giáo tại số 12 Hàng Lược, Hà Nội được công nhận Ban Quản trị thánh đường.

PHỤ LỤC 4
HIẾN PHÁP
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*(Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa
XIII kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 28/11/2013)*
(trích)

Điều 24.

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

Tác giả: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Ban Tôn Giáo Chính Phủ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024)37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

ThS. Nguyễn Hữu Có

Chịu trách nhiệm nội dung

Q. Tổng Biên tập

Lê Hồng Sơn

Biên tập: Nguyễn Thị Hà

Trình bày: Tuấn Quỳnh

Sửa bản in: Ngô Thị Xuân Lan

Đơn vị liên kết: Ban Tôn giáo Chính phủ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Số lượng in 600 bản, khổ 14,5 cm x 20,5 cm

In tại Xưởng In - Nhà xuất bản Thế Giới, số 23 ngõ 62 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐKXB: 4587-2022/CXBIPH/11-162/TG.

Mã ISBN: 978-604-61-9069-1

QĐXB: 738/QĐ-NXBTG ngày 19 tháng 12 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2023.